

BỘT GIẶT NET

*" Sản phẩm giặt rửa
chất lượng cao "*

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Địa chỉ: Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn,
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251. 834 670

Fax: 0251. 836 166

Website: www.netcovn.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



®

ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG 03

Thông tin khái quát	05
Quá trình hình thành và phát triển	07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13
Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý	15
Định hướng phát triển	19
Các rủi ro	21

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017..... 27

Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh	29
Tổ chức và nhân sự	33
Tình hình đầu tư thực hiện dự án.....	43
Tình hình tài chính.....	45
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	51
Báo cáo tác động liên quan xã hội của Công ty	53

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 57

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 59

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 63

Kế hoạch phát triển trong tương lai 65

Báo cáo về trách nhiệm môi trường, xã hội 67

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 71

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty 73

Đánh giá của HĐQT về Ban Giám Đốc 75

Các kế hoạch định hướng của HĐQT 76

QUẢN TRỊ CÔNG TY 77

Hội đồng quản trị 81

Ban kiểm soát 85

Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BGD, BKS 86

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 87




ISO 9001:2008
ISO 2001:2008





THÔNG TIN CHUNG



- 
- ✚ Thông tin khái quát
 - ✚ Quá trình hình thành và phát triển
 - ✚ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - ✚ Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý
 - ✚ Định hướng phát triển
 - ✚ Các rủi ro

Thông tin khái quát

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Bọt giặt NET

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3600642822 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/05/2017

Vốn điều lệ : 223.984.490.000 VNĐ

Vốn đầu tư chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 : 280.620.556.000 VNĐ

Địa chỉ : Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại : 0251. 3682102 - 0251. 3682103

Số fax : 0251. 3682106

Website : www.netcovn.com.vn

Mã cổ phiếu : NET



Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành Công ty

Công ty cổ phần Bột giặt NET có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty, được xây dựng từ năm 1968 cho đến năm 1972 mới hoàn thành đưa vào sản xuất. Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty có văn phòng chính tại số nhà 38 đường Nguyễn Trãi, phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và có cơ xưởng tại đường số 8, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.



Vốn hình thành nhà máy do một nhóm cổ đông góp vốn tạo dựng lên công suất thiết kế ban đầu là 5.800 tấn sản phẩm/năm. Ngày đầu thành lập, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty đã cử một số thành viên trong công ty sang nước cộng hòa Pháp học cách làm xà bông bột. Sau khi trở về nước, những thành viên này lấy tên thương hiệu là NET. NET chính là tên viết tắt của chữ “NETOYER” nghĩa là giặt rửa, logo của công ty có hình là núi tuyết vì nhà máy được xây dựng trên khu đồi núi được san lấp nhưng chưa bằng phẳng, núi này được bao phủ bằng lớp tuyết trắng phản ánh sự trắng sạch của Bột giặt. Cho đến nay khi quảng bá về Bột giặt chưa có công ty nào bỏ qua hình ảnh trắng sạch này.

Kể từ ngày thành lập cho đến năm 1975, Công ty được quản lý dưới dạng tư sản tư nhân, sản lượng làm ra không quá 1.000 tấn sản phẩm/năm. Đến thời điểm 2009, công suất nhà máy tại KCN Biên Hòa đã được nâng lên 140,000 tấn/năm.

Quá trình phát triển

1998

Công ty khánh thành chi nhánh NET tại km 01 đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, thủ đô Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm. Tại thời điểm 2016, công suất đã được nâng lên 70,000 tấn/năm.

1992

Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng và tiến hành đăng ký lại theo quyết định của Bộ công nghiệp nặng. Nhận lại Nhà máy Mỹ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET từ số 39 Phó Cơ Điều, phường 12, quận 5, TP.Hồ chí Minh về số 617 – 629 Bến Bình Đông, phường 13, quận 8, TP.Hồ Chí Minh.

1990

Nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập. Đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.

1975

Khi Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trưng mua, chuyển tên gọi từ Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty thành Nhà máy quốc doanh Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc công ty Bột giặt Miền Nam.

Quá trình cổ phần hóa và niêm yết



ISO 9001:2008
ISO 14001:2008

NETCO

11/04/2003

Bộ Công nghiệp có quyết định số 50/2003/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa công ty Bột giặt NET.

01/07/2003

Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Bột giặt NET với số vốn điều lệ là 22 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/07/2003.

2007

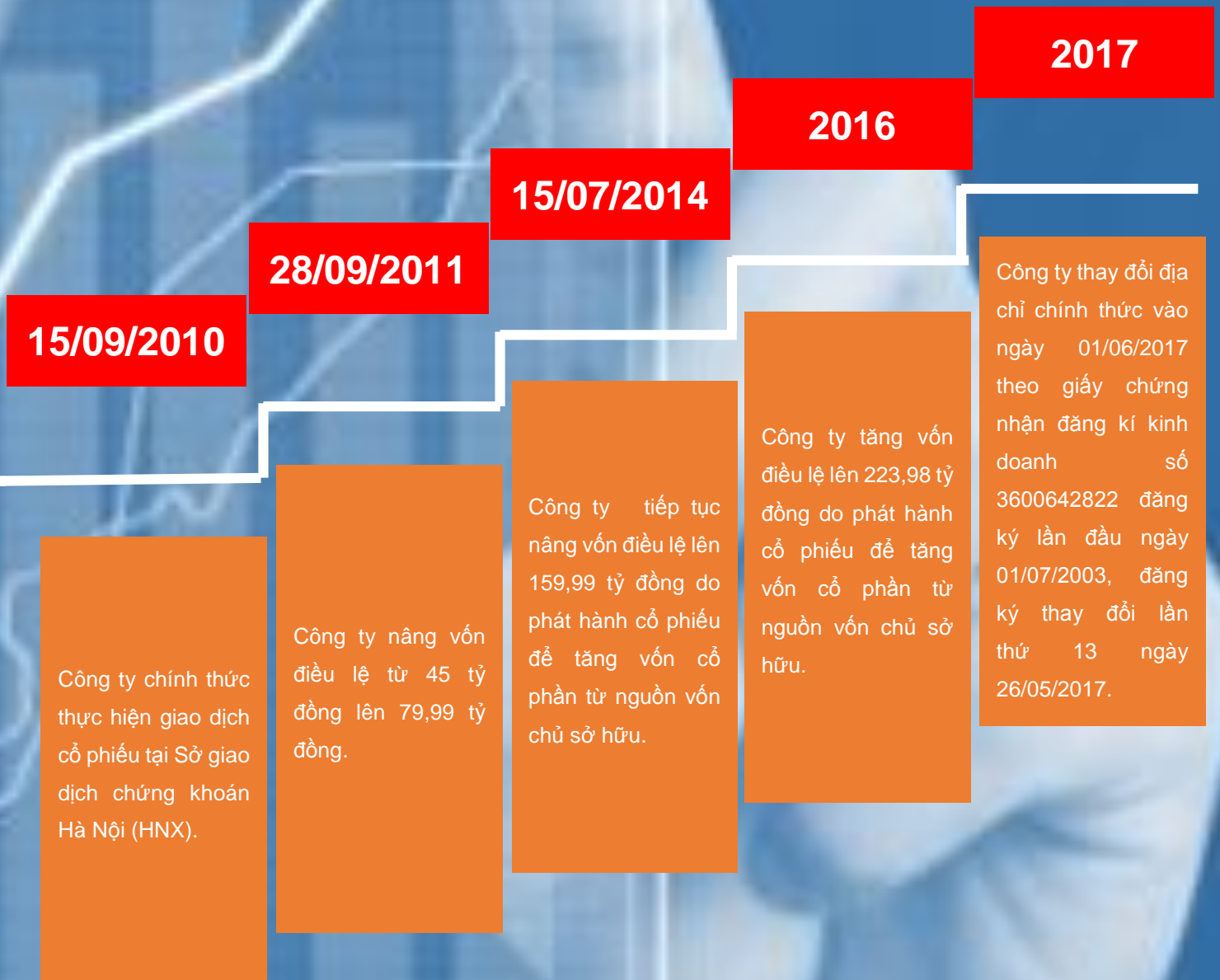
Công ty tăng thêm vốn điều lệ 11 tỷ được trích từ lợi nhuận và quỹ đầu tư, nâng vốn điều lệ của Công ty từ 22 tỷ lên 33 tỷ.

04/2009

Công ty nâng vốn từ 33 tỷ lên thành 39,6 tỷ nguồn hình thành cũng từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển.

31/12/2009

Công ty tăng vốn điều lệ 5,4 tỷ để nâng vốn từ 39,6 tỷ thành 45 tỷ.



Thành tích Công ty đạt được





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất mua bán chất tẩy rửa mỹ phẩm và vật tư liên quan đến sản xuất mỹ phẩm. Mua bán các loại vật tư hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh). Cho thuê kho nhà xưởng văn phòng. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh khách sạn nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh) sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở). Bổ sung vận tải hàng hóa đường bộ.



ISO 9001:2008



Địa bàn hoạt động

Tại thị trường nội địa, NETCO chọn cho mình con đường riêng để đến với người tiêu dùng bằng tấm lòng của một nhà sản xuất chân chính, luôn giữ chữ “TÍN” với khách hàng qua “CHẤT LƯỢNG & GIÁ CẢ”. Vì vậy, so với sản phẩm của các công ty khác, các sản phẩm của NETCO luôn dành được sự chấp nhận và tin tưởng của đông đảo người tiêu dùng.

Trong nước



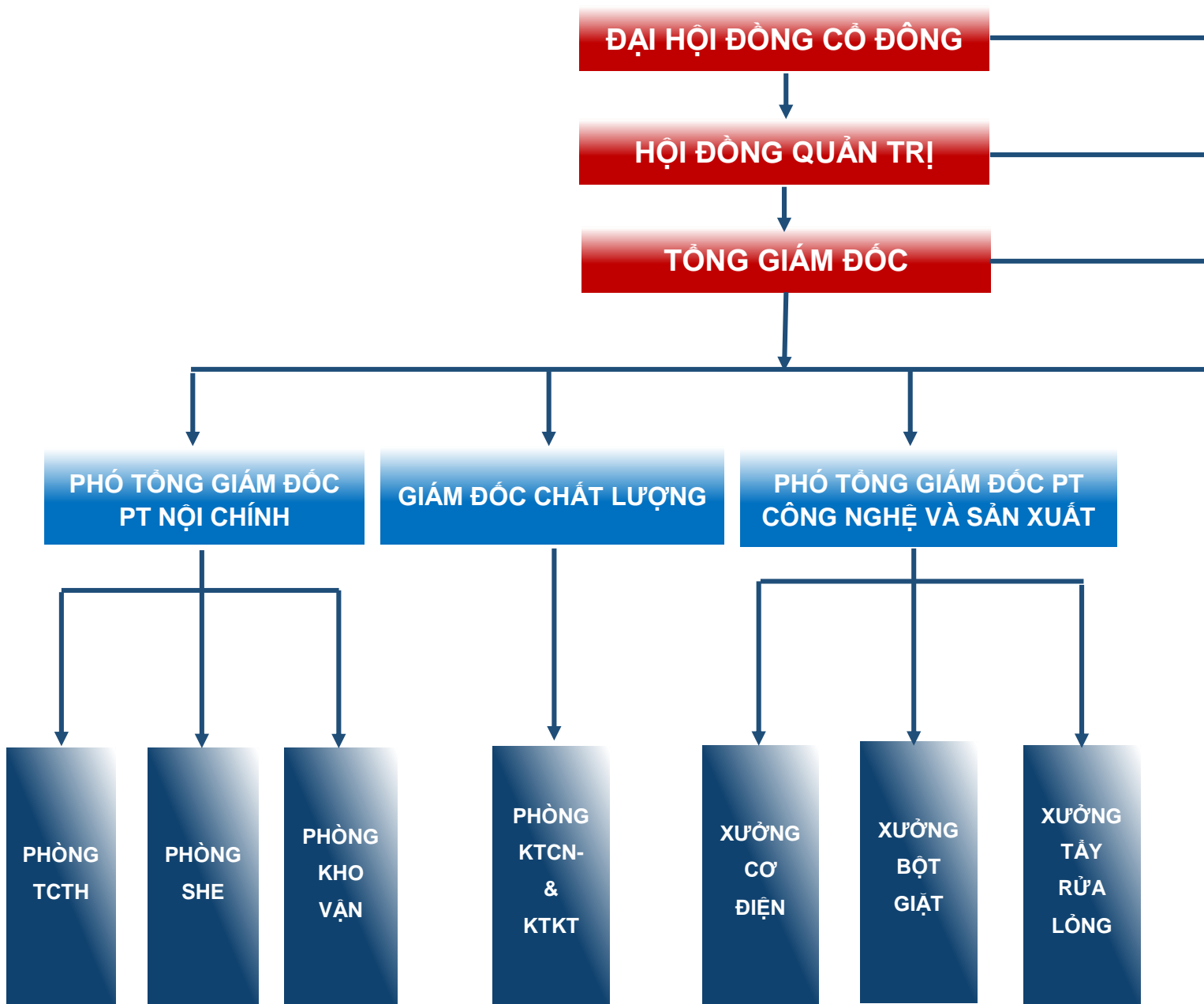
Xuất khẩu



NET còn cung ứng một lượng lớn Bột giặt, Nước rửa chén cho thị trường xuất khẩu như : Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi ... Việc thâm nhập thành công thị trường Nhật Bản - một thị trường được đánh giá là khó tính với yêu cầu về chất lượng cực kỳ nghiêm ngặt, doanh nghiệp đã minh chứng trình độ kỹ thuật công nghệ của mình đạt yêu cầu khu vực và thế giới.

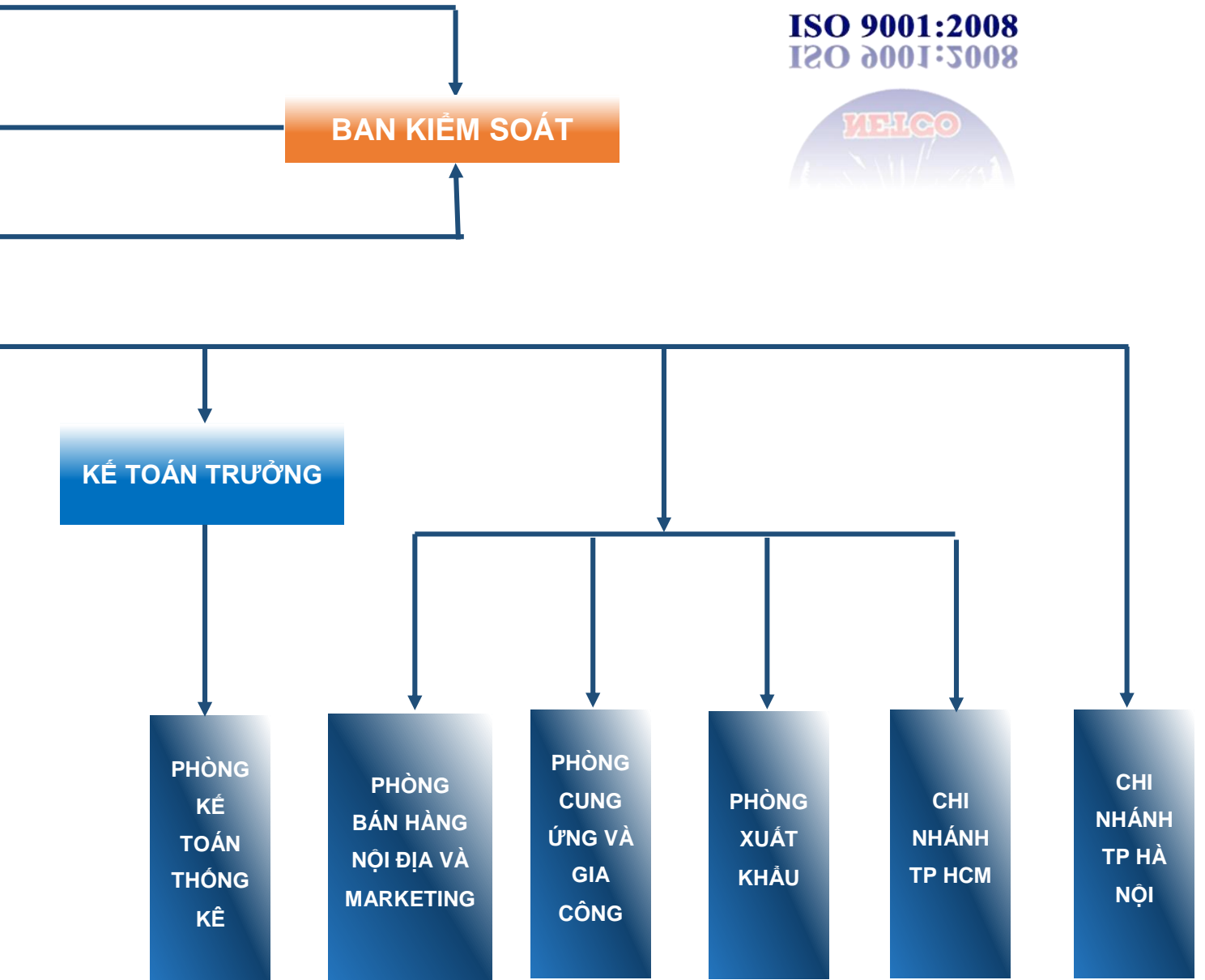
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị





ISO 9001:2008
ISO 9001:2008



Cơ cấu bộ máy quản lý

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Ghi chú
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 29/07/2017
2	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/07/2017
3	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
4	Phạm Quang Hòa	Thành viên HĐQT	
5	Phan Văn Tiền	Thành viên HĐQT	
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	



Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Ghi chú
II BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban BKS	
2	Dương Huy Mạnh	Ủy viên BKS	
3	Nguyễn Thị Mai Phương	Ủy viên BKS	
III BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính	
3	Phạm Quốc Cường	Giám đốc sản xuất	Trước 01/08/2017
		Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất	Sau 01/08/2017
4	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Kỹ thuật	Trước 01/08/2017
		Giám đốc chất lượng	Sau 01/08/2017
5	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng	



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

STT	Chỉ tiêu 2018	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	943
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60



Chiến lược trung và dài hạn

Năm 2017, là năm thứ 2 hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2016 – 2021. Trong nhiệm kỳ này, tiếp tục thực hiện theo định hướng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã triển khai các hoạt động như sau:

- Bám sát theo điều kiện thực tế của NET, hợp lý hóa sản xuất để đạt được mức chi phí thấp nhất.
- Tiếp tục phát triển dòng sản phẩm thuộc ngành hàng homecare. Kế hoạch triển khai được tiến hành theo thứ tự ưu tiên dựa trên cơ sở dữ liệu khảo sát nghiên cứu về nhu cầu của người tiêu dùng từ cao đến thấp.
- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu của NET, xây dựng hình ảnh sản phẩm với chất lượng tốt và giá cả hợp lý.
- Nghiên cứu nhu cầu, mẫu mã sản phẩm, đa dạng các đối tượng khách hàng để phục vụ và nhắm đến mục tiêu không giới hạn trong nội địa và xuất khẩu, khách hàng đang sử dụng sản phẩm mang thương hiệu NET và những khách hàng tiềm năng, tích cực tìm kiếm và đẩy mạnh cho doanh nghiệp có nhu cầu gia công cho sản phẩm mang nhãn hiệu riêng.
- Ngày càng đưa nhãn hiệu NET trở thành Công ty có chuỗi nhà máy sản xuất lớn trong ngành chất tẩy rửa, bột giặt tại Việt Nam và đưa sản phẩm ngày càng mạnh mẽ ra thị trường Quốc tế.



Các rủi ro





Rủi ro pháp luật

NET là Công ty hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần và cổ phiếu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên chịu sự quản lý và hướng dẫn của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế và các văn bản có liên quan khác. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Bột giặt Net hoạt động chính bên lĩnh vực sản xuất kinh doanh, trong đó nguyên liệu đầu vào sản xuất có sử dụng hóa chất do đó hoạt động của Công ty cần phải tuân theo Luật liên quan đến bảo vệ môi trường, Luật hóa chất số 06/2007/QH12, nghị định số 113/2017NĐ – CP hướng dẫn Luật hóa chất, v.v... Bên cạnh thị trường tiêu thụ trong nước, NET còn cung ứng

một lượng lớn bột giặt, chất tẩy rửa ra thị trường nước ngoài như Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi,... nên cần phải nắm bắt rõ luật pháp, thông lệ Quốc tế có liên quan. Ngoài ra, trong năm Nhà nước đã có những điều chỉnh và thay đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các văn bản pháp luật phù hợp với tình hình hội nhập và biến động của thị trường. Do đó, để hạn chế vấn đề pháp lý, Công ty liên tục theo dõi và cập nhật, đồng thời điều chỉnh kịp thời những thay đổi cho đồng nhất với quy định, điều lệ trong Công ty mang lại hiệu quả trong vận hành hoạt động tốt nhất.



Rủi ro đặc thù ngành

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Bột giặt NET tiếp tục cung ứng sản phẩm cho thị trường cả trong và ngoài nước, do đó, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Công ty chịu ảnh hưởng mạnh từ tỷ giá, từ đó tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận. Trong kết cấu hàm lượng nguyên liệu để sản xuất mặt hàng chất tẩy rửa, khoảng 80% - 90% có nguồn gốc nhập khẩu. Tỷ giá ngoại tệ VND/USD biến động tăng sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của nhóm hàng sản xuất cung ứng cho thị trường nội địa. Trong tổng doanh thu, tỷ lệ hàng xuất khẩu/nội địa khoảng 1:2. Vì vậy, khi tỷ giá VND/USD ảnh hưởng mạnh đến giá vốn.



Bên cạnh đó, hàng tiêu dùng là ngành hàng hoạt động dựa trên sự uy tín, lòng tin của khách hàng đến với sản phẩm của Công ty. Nắm bắt được những khó khăn và thuận lợi nêu trên, Công ty đã tập trung nghiên cứu thị hiếu của người tiêu dùng, văn hóa từng vùng miền trong nước để định hướng chiến lược marketing phù hợp như thiết kế vỏ bao bì, hương thơm, quảng cáo, v.v... Ngoài ra, Công ty còn nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng sẽ mua sản phẩm dựa vào xuất xứ, bao bì, vị trí sản phẩm được trưng bày, kênh phân phối từ siêu thị lớn đến cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ, v.v.. để xây dựng kế hoạch bán hàng phù hợp và hiệu quả. Đó là một trong những biện pháp mà Công ty áp dụng để giúp mang lại hiệu quả cho mục đích hoạt động trong năm vừa qua.

Rủi ro cạnh tranh

Năm 2017, bức tranh kinh tế của Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh mẽ thể hiện qua GDP tăng hơn so với dự kiến năm là 6,81%. Điều này là động lực cho ngành hàng tiêu dùng tăng trưởng, nhu cầu của người tiêu dùng thoáng hơn trong chi tiêu gia đình, nhưng điều này đồng nghĩa với chất lượng, mẫu mã, thị hiếu cũng tăng theo. Bên cạnh đó, sự thay đổi cấu trúc dân số với hơn 9 triệu người, cũng như lối sống của từng khu vực cư dân, là nguyên nhân làm cho ngành hàng tiêu dùng sản phẩm gia đình cá nhân có sự biến động về thị trường tiêu thụ. Nếu như trước 2013, Unilever và Procter & Gamble là hai công ty đa quốc gia thống lĩnh thị trường nội địa thì trong 5 năm trở lại đây đã có sự thay đổi về cơ cấu thị phần. Các công ty sản xuất ngành hàng chăm sóc gia đình tại Việt Nam đã trưởng thành và trở dậy, chiếm giữ một phần từ các công ty đa quốc gia. Một trong số họ đã trở thành đối trọng nguy hiểm của các công ty đa quốc gia. Chính vì vậy, mức độ cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt giữa các nhà sản xuất và hàng chục hệ thống các công ty phân phối và thương mại tự gia công nhãn hàng riêng. Điều này dẫn đến việc tăng cao chi phí bán hàng. Ngoài ra, việc chuyển giao nhượng bán một số hệ thống siêu thị vào tay ông chủ Thái Lan cũng tạo cơ hội tốt hơn cho việc hàng chất tẩy rửa Thái Lan xâm nhập thị trường nội địa.

Nhận thức được vấn đề cấp thiết trên cùng với mục tiêu mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước đồng thời, duy trì vị thế sản phẩm của mình, Công ty đã lập đội nghiên cứu thị trường nhằm tung ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu người sử dụng. Đồng thời, tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng để mang lại chi phí hoạt động ở mức thích hợp. Công ty cũng tổ chức các chương trình khuyến mãi giành cho người tiêu dùng và các đại lý khi lượng tiêu thụ cao.



Rủi ro môi trường

NETCO hoạt động chuyên về sản xuất, kinh doanh nên bị quản lý chặt chẽ về vấn đề bảo vệ môi trường, trong đó, có cả sự chi phối về việc sử dụng hóa chất. Để duy trì tốt hoạt động của Công ty, tiếp tục trong năm 2017, Công ty áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như: báo cáo giám sát môi trường định kỳ 2 lần/năm do Trung tâm quan trắc Môi trường tỉnh Đồng Nai thực hiện, bảo trì hồ xử lý nước thải đạt quy định và hệ thống thu bụi trong quá trình sản xuất bột giặt để hạn chế tối thiểu hóa chất làm ô nhiễm môi trường không khí

Rủi ro nguyên liệu đầu vào


Nguyên liệu đầu vào cho sản xuất bột giặt đa phần là nhập khẩu nên bị tác động nhiều từ tỷ giá, đồng thời, trong thành phần của bột giặt có chất được chiết xuất từ dầu mỏ. Trong năm 2017, giá dầu có mức biến động lên, gây ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và giá cả bán sản phẩm trên thị trường kéo theo lợi nhuận của Công ty cũng bị tác động. Để điều tiết được hạn chế do nguyên vật liệu đầu vào Công ty đã thực hiện một số hợp đồng kì hạn để cố định mức tỷ giá trong một thời gian nhất định, chủ động tìm kiếm thị trường có nguyên liệu rẻ nhưng chất lượng vẫn được đảm bảo.

cho khuôn viên xung quanh và khu dân cư. Ngoài ra, Công ty còn tích cực hỗ trợ và đảm bảo sức khỏe cho người lao động bằng việc mua bảo hiểm cho cán bộ và người lao động, tập huấn các buổi phòng cháy chữa cháy, nâng cao vấn đề tự bảo vệ sức khỏe trong môi trường làm việc có tiếp xúc với hóa chất. Việc áp dụng chặt chẽ và nhận thức tầm quan trọng của môi trường, trong năm Công ty tiếp tục duy trì được những chứng nhận về môi trường đạt chuẩn do Tổng cục Tiêu chuẩn môi trường ban hành.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017



- 
- ✚ Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh
 - ✚ Tổ chức và nhân sự
 - ✚ Tình hình đầu tư thực hiện dự án
 - ✚ Tình hình tài chính
 - ✚ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
 - ✚ Báo cáo tác động liên quan xã hội của Công ty

Tình hình hoạt động

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, tình hình kinh tế toàn cầu được đánh giá có sự tăng trưởng tích cực trở lại từ những quốc gia là đầu tàu của nền kinh tế thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu, v.v... đến những nước đang phát triển. Cụ thể với những dự báo về mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các tổ chức tài chính khác trên thế giới đồng loạt báo tăng lên 3,6% - 3,7%. Sự tăng trưởng khả quan đã đẩy giao thương hàng hóa nhộn nhịp, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 4,1% ở Mỹ, lạm phát được kiểm soát ở mức ổn định, v.v...

Bên cạnh những tín hiệu khả quan từ nền kinh tế thế giới kết hợp với những định hướng đúng đắn và phù hợp của Nhà nước đã giúp nền kinh tế trong nước tăng trưởng ngoạn mục, cụ thể theo số liệu của Tổng cục thống kê: GDP năm 2017 của Việt Nam đạt 6,8% vượt kế hoạch đề ra, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,35%, v.v... Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ của thị trường cũng đạt mức tăng trưởng 8,36% so với cùng kỳ năm trước. Điều này mang đến triển vọng phát triển cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nói chung và Công ty Cổ phần Bột giặt NET nói riêng. Cụ thể, mức tăng trưởng của tổng doanh

thu tính đến cuối năm 2017 là 1.085 tỷ đồng tăng lên 241 tỷ đồng, tương ứng tăng thêm 28,58%, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 73 tỷ đồng, tương ứng với 71,26% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đã đầu tư hoàn thành Dự án nhà máy Lộc An Bình Sơn bao gồm văn phòng chính thức và vận hành chạy dài máy móc với chi phí khoảng 375 tỷ đồng. Việc đưa nhà máy vào hoạt động dự kiến sẽ mang lại doanh thu lớn trong năm 2018.

Để hoàn thành kế hoạch đề ra từ đầu năm, Ban lãnh đạo đã phân tích, xem xét và đưa ra nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả phù hợp với diễn biến của thị trường:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH2017/KH 2017	TH2017/TH 2016
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	843.988	870.000	1.085.215	124,74%	128,58%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.837	80.000	73.992	92,49%	71,26%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	28% (*)	>=12%	25% (**)	-	-

(*): Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 15%; Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 13%.

(**): Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 10%; Việc chi trả cổ tức sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Tính đến ngày 31/12/2017, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.075 tỷ đồng, tăng 28,14% so với năm 2016. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ việc bán hàng nội địa tính đến cuối năm 2017, đạt 694 tỷ đồng, tăng 21,33% so với cùng kỳ năm trước. Với những sản phẩm chủ lực đóng góp chính vào doanh thu của Công ty như bột giặt, nước rửa chén, nước lau sàn, nước xả vải. Doanh thu sản xuất xuất khẩu của Công ty đạt 340 tỷ đồng, tăng 67,49% so với năm 2016. Thị trường cung ứng cho nước ngoài gồm Nhật Bản, Úc, New Zeland, các nước Asean, Châu Mỹ, Châu Âu, v.v... Năm 2017, tình trạng cạnh tranh về giá lẫn chất lượng đang diễn ra ngày càng gay gắt giữa các công ty đa quốc gia, các nhãn hàng nội địa và nhiều nhãn hiệu nước ngoài trong khu vực vào thị trường Việt Nam do thương mại tự do được mở rộng. Do đó, để duy trì thị phần và thực hiện chính sách mở rộng, phát triển trong tương lai, Công ty đã luôn nỗ lực cải tiến công nghệ, chất lượng, nâng cao trình độ và kỹ năng đội ngũ cán bộ công nhân viên, đồng thời đẩy mạnh chính sách bán hàng linh động đã mang tín hiệu khả quan cho tình hình hoạt động năm 2017 của NETCO.

Với kết quả đạt được trong năm 2017, cho thấy định hướng hoạt động đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng với sự nỗ lực làm việc hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên, đã giúp sản phẩm NET đến với người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty luôn đặt chất lượng sản xuất sản phẩm lên hàng đầu, kết hợp với việc tăng cường nghiên cứu mẫu mã phù hợp với văn hóa, khí hậu từng vùng, từng quốc gia nhằm mở rộng thị phần cho sản phẩm NET.

Bên cạnh việc đẩy mạnh và chú trọng phát triển những sản phẩm chính, Công ty còn duy trì hoạt động gia công cho các nhãn hiệu khác ở mức tỷ lệ dao động khoảng 20% trên tổng số lượng sản xuất tại nhà máy phía Nam và 100% tại nhà máy phía Bắc.

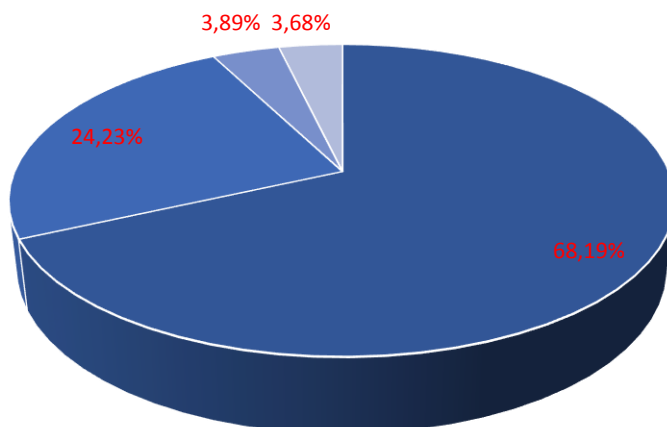


Cơ cấu doanh thu



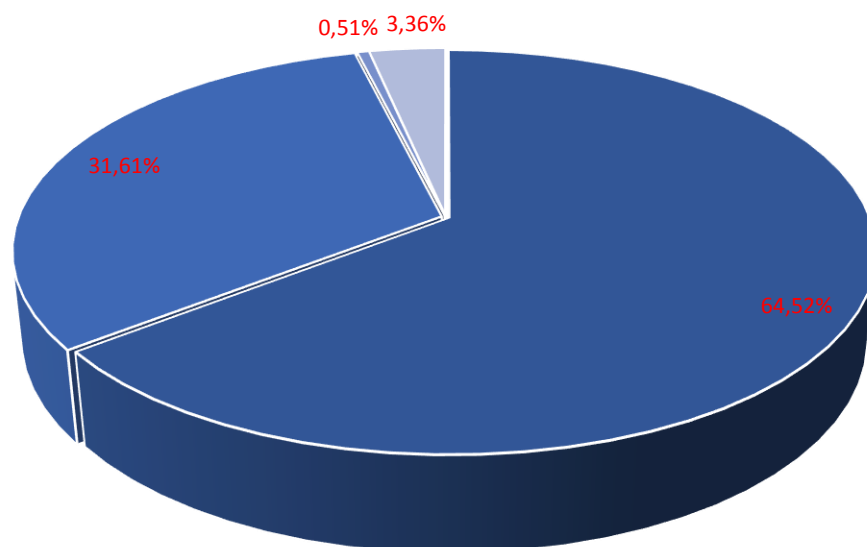
ISO 9001:2008

Năm 2016



- Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước
- Doanh thu sản xuất xuất khẩu
- Doanh thu gia công
- Doanh thu khác

Năm 2017



- Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước
- Doanh thu sản xuất xuất khẩu
- Doanh thu gia công
- Doanh thu khác



Tổ chức và nhân sự

THÁI THỊ HỒNG YẾN

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Giới tính	Nữ
Năm sinh	23/10/1968
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Cử nhân khoa học; Cử nhân Anh văn; Cử nhân Nga Văn.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 1986-1988: Học Đại học Ngoại ngữ Quân sự; ✓ 1988-1989: Học chuyển tiếp khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Raxtop; ✓ 1989-1990: Học Đại học Ngoại ngữ Quân sự; ✓ 1990-1993: Cán bộ lâm trường Tân phú ; ✓ 1993-1995: Công tác tại Xí nghiệp kinh doanh lâm sản; ✓ 1995-2000: Công tác tại phòng Tổ chức, Công ty bột giặt NET; ✓ 2000-2002: Là chuyên viên thị trường công ty bột giặt NET tại CN Hà Nội; ✓ 2002-06/2003: Công tác tại phòng Tổ chức, Công ty bột giặt NET; ✓ 7/2003-4/2004: Phó phòng bán hàng, Công ty Cổ phần bột giặt NET; ✓ 5/2004 -11/2004: Trưởng phòng bán hàng, Công ty Cổ phần bột giặt NET; ✓ 12/2004-12/2006: Giám đốc thương mại, Công ty Cổ phần bột giặt NET; ✓ 12/2006 – 30/4/2016: Ủy viên HĐQT, Giám đốc thương mại, Công ty cổ phần bột giặt NET; ✓ 01/5/2016 -1/01/2017: Ủy viên HĐQT, Giám đốc điều hành, Giám đốc thương mại, - Công ty cổ phần bột giặt NET; ✓ 01/5/2016 đến nay: Thêm nhiệm vụ Trưởng Ban Quản lý dự án Bí thư Đảng ủy công ty; ✓ 01/02/2017 đến nay: Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần bột giặt NET.

PHẠM QUỐC CƯỜNG

Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất

Giới tính	Nam
Năm sinh	10/01/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Hóa học Giấy chứng nhận Quản lý đào tạo cấp trung do trường PACE cấp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 1995 - 1998: Trường ĐH Bách khoa TP. HCM ✓ 1998 – 2000: Công ty TNHH Quốc tế Unilever ✓ 2000 – 2004: Công ty TNHH Quốc tế Unilever ✓ 2004 – 2006: Công ty TNHH Quốc tế Unilever ✓ 2006 – 2009: Công ty TNHH Quốc tế Unilever ✓ 2009 – 2011: Công ty TNHH Quốc tế Unilever ✓ 02/2012 – 03/2012: Công ty Cổ phần Bột giặt NET ✓ 03/2012 – 07/2012: Công ty Cổ phần Bột giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Sản xuất ✓ 07/2012 – 10/2015: Công ty Cổ phần Bột giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Sản xuất - Ủy viên BCH Công đoàn công ty ✓ 10/2015 – 07/2017: Công ty Cổ phần Bột giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Sản xuất - Trợ lý GĐĐH về nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. - Ủy viên BCH Công đoàn công ty ✓ 01/08/2017: Công ty Cổ phần Bột giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất

CAO TRẦN ĐĂNG KHOA

Giám đốc chất lượng

Giới tính	Nam
Năm sinh	27/03/1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Hóa học Chứng nhận Kế toán Doanh nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 1997 – 1999: Công ty Bột Giặt Lix <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kỹ thuật ✓ 1999 – 2001: Công ty Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kỹ thuật ✓ 2001 – 2003: Công ty TNHH Nam Trinh <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kỹ thuật/ Marketing ✓ 2003 – 2005: Công ty TNHH A.V.A.L <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát sản xuất ✓ 2005 – 2009: Công ty TNHH KAO Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát chất lượng ✓ 2009 – 3/2011: Công ty Cổ phần Bột Giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Phó Giám Đốc Kỹ thuật ✓ 3/2011 – 3/2017: Công ty Cổ phần Bột Giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Giám Đốc Kỹ thuật ✓ 4/2017 - 7/2017: Công ty Cổ phần Bột Giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Giám Đốc Kỹ thuật, - Chủ tịch Công Đoàn Công ty ✓ 08/2017 đến nay: Công ty Cổ phần Bột Giặt NET <ul style="list-style-type: none"> - Giám Đốc Chất lượng, - Chủ tịch Công Đoàn Công ty

TRẦN THỊ ÁI LIÊN
Kế toán trưởng

Giới tính	Nữ
Năm sinh	18/05/1970
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán các ngành Sản xuất (ĐH Tài chính kế toán). Chứng chỉ Kế toán trưởng.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Từ 1992 – 2000 : Công ty Bột Giặt Net <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên Kế toán ✓ Từ 2000-06/2003: Công ty Bột Giặt Net <ul style="list-style-type: none"> - Phó phòng kế toán ✓ Từ 07/2003-2007: Công ty cổ phần Bột Giặt Net <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng kế toán ✓ Từ 2007 đến nay: Công ty cổ phần Bột Giặt Net <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán trưởng

Danh sách ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc	(Sau ĐHCĐ tháng 04/2017)	0,505%
2	Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất		0,000%
3	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Chất lượng		0,008%
4	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng		0,111%

Những thay đổi trong nhân sự

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm ngày 28/7/2017
2	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/7/2017

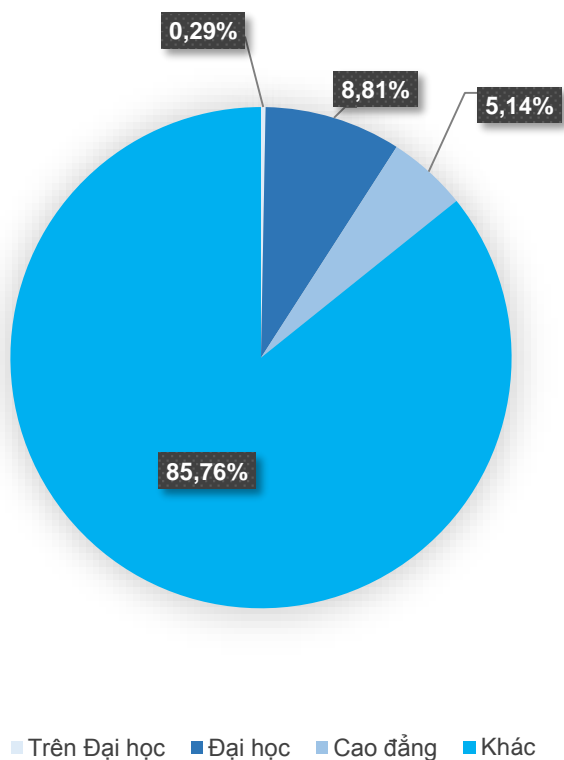


Số lượng cán bộ và công nhân viên

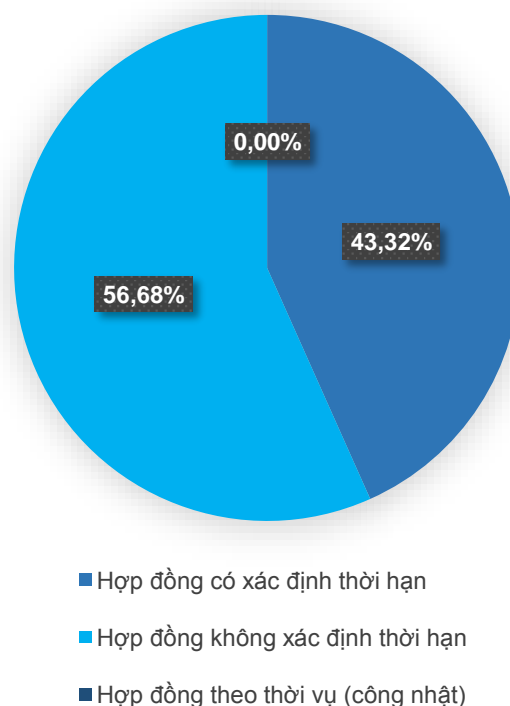
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	681	100%
1	Trên Đại học	2	0,29%
2	Đại học	60	8,8%
3	Cao đẳng	35	5,1%
5	Khác	584	85,8%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	681	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	295	43,3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	386	56,7%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,0%

Biểu đồ cơ cấu lao động

Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Chính sách người lao động

Là Công ty hoạt động bên lĩnh vực sản xuất kinh doanh, do đó nhu cầu về nguồn lao động luôn được Ban lãnh đạo chú trọng và quan tâm. Trong năm 2017 khi di dời trụ sở chính và địa điểm sản xuất từ Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Công ty đã thực hiện chính sách ổn định nguồn nhân lực và quan tâm đời sống vật chất của người lao động với hình thức thuê xe đưa rước chở cán bộ công nhân viên đi làm tuyến Biên Hòa - Lộc An và duy trì Hồ Chí Minh – Lộc An. Với vị trí mới, cự ly di chuyển của người lao động xa hơn, thời gian di chuyển cũng lâu hơn so với địa điểm làm việc tại Biên Hòa. Để khuyến khích người lao động và thể hiện chính sách quan tâm đến đời sống người lao động, công ty đã điều chỉnh tăng lương từ 5% - 15% tùy theo vị trí, đối tượng và mức độ quan trọng công việc.

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc được thực hiện đúng theo Quy định của pháp luật: 8 giờ mỗi ngày. Đồng thời, với những khoảng thời gian được tăng cường để thực hiện những đơn hàng lớn theo hợp đồng hoặc mùa vụ, do đó để đáp ứng phù hợp với yêu cầu của kế hoạch đề ra, Ban lãnh đạo đã linh động trong việc sắp xếp số lượng nhân viên làm tăng ca nhưng vẫn dựa trên tự nguyện của công nhân. Bên cạnh đó, Công ty cũng có những chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi và sức khỏe công nhân với những mức đãi ngộ phù hợp.

Điều kiện và môi trường nơi làm việc: Tùy môi trường và công đoạn sản xuất mà người lao động được trang bị bảo hộ lao động cần thiết, nhằm hạn chế thấp nhất mức tác động của nguyên liệu đến sức khỏe công nhân, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, môi trường làm việc được dọn vệ sinh sạch sẽ hằng ngày bởi đội ngũ riêng, khuyến khích công nhân tự bảo vệ sức khỏe và giữ gìn vệ sinh trong và ngoài khuôn viên làm việc. Trong năm 2017, Công ty triển khai chính sách khám sức khỏe tổng quát định kỳ cho người lao động và tích cực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chế độ dinh dưỡng. Môi trường làm việc ở nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn được đánh giá là rộng rãi, sạch sẽ, tuyệt đối không gây ô nhiễm, đặc biệt an toàn cho người lao động. Một số các chuyên gia trong đoàn đánh giá ĐTM sau Dự án của Bộ khoa học công nghệ môi trường đã có những nhận xét đánh giá rất tích cực về môi trường làm việc tại đây. Điều này đảm bảo cho NETCO có cơ sở phát triển bền vững, hướng đến vì con người và cộng đồng.

Nghỉ phép nghỉ lễ, Tết: Công ty tuân thủ thực hiện quy định được ban hành dành cho người lao động, do đó toàn thể cán bộ công nhân viên sẽ được nghỉ lễ, Tết. Đồng thời, Công ty còn tổ chức ngày hội thi đua cho toàn thể công nhân viên và các buổi nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu giữa các phòng ban với cấp trên. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách cho nhân viên làm việc trong một khoảng thời gian nhất định sẽ được hưởng chế độ nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, phụ nữ thai sản sẽ được nghỉ theo quy định Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, nhân viên bị ốm thì cũng được hưởng lương nghỉ sản, nghỉ ốm.



Chính sách lương, thưởng

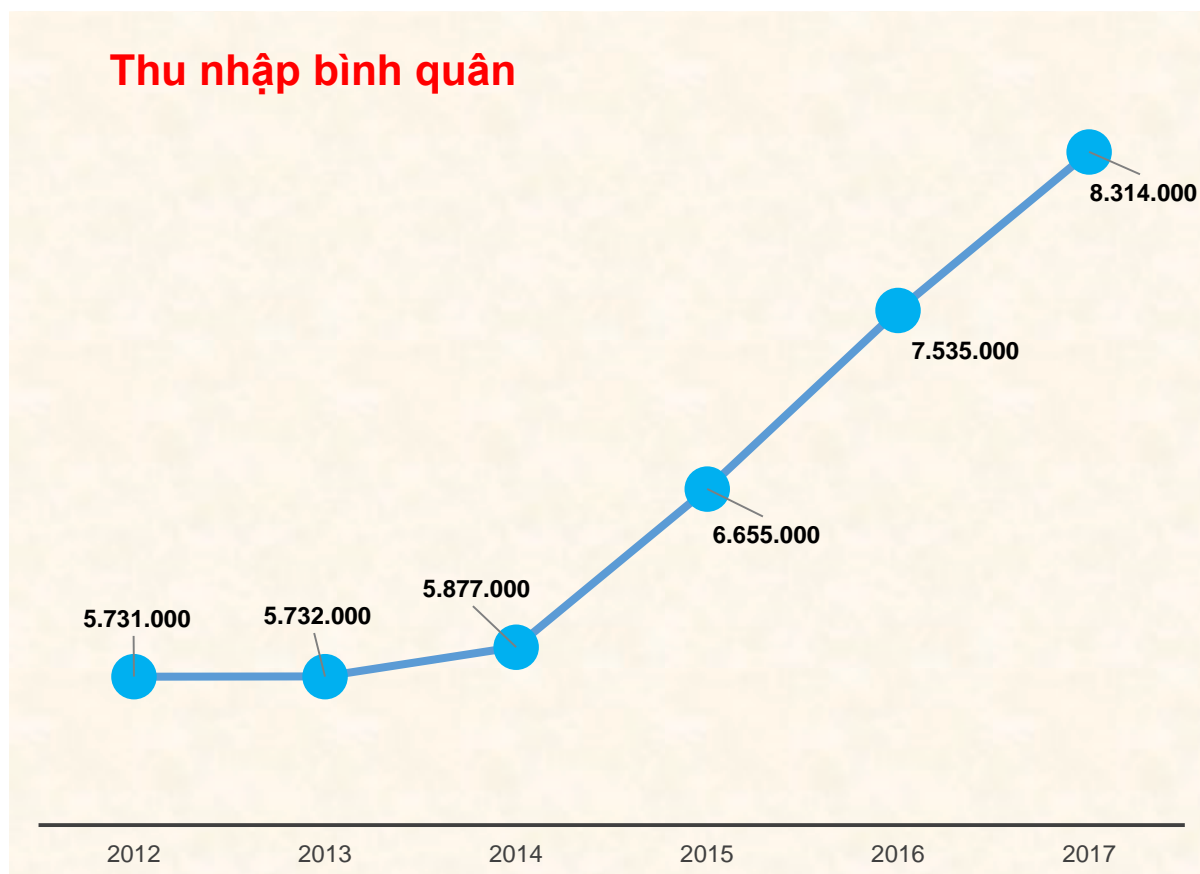
Trong năm, Công ty thực hiện tốt chính sách lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các quyền lợi và chế độ theo quy định do Nhà nước ban hành. Bên cạnh đó, nhằm duy trì và tạo động lực trong công việc, phát huy khả năng sáng tạo góp phần vì lợi ích phát triển chung, Ban lãnh đạo của Công ty đã đề ra những quy định rõ ràng về việc đáp ứng đầy đủ các mức lương, thưởng được xác định dựa theo các chỉ tiêu như năng lực, kết quả hoàn thành trong một thời gian nhất định, mức độ đóng góp ý tưởng công sức vào sự phát triển chung. Bên cạnh đó, với những cán bộ công nhân viên gắn bó với Công ty trong một thời gian nhất định sẽ được hỗ trợ tháng lương thứ

13 vào cuối năm hay tiền lễ, Tết nhằm góp phần hỗ trợ, cải thiện phần nào về mặt vật chất cho đời sống phần nào của từng thành viên trong Công ty, từ đó, đóng góp vào sự phát triển bền vững.

Chính sách phúc lợi

Tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn, Công ty cam kết với người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, thực hiện tham hỏi và động viên gia đình có gia cảnh khó khăn hay gặp chuyện ngoài ý muốn. Tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ 2 lần.

Biểu đồ tăng trưởng mức thu nhập trung bình từ năm 2012 – 2017



2017



Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn

NET chính thức vận hành nhà máy Lộc An vào ngày 31/7/2017

Sau quá trình hơn hai năm xây dựng, dự án Nhà máy Lộc An – Bình Sơn đã hoàn thành, vận hành thử nghiệm thành công và chính thức đi vào hoạt động vào ngày 31/7/2017, gắn sát với thời gian và tiến độ dự kiến.

Tổng giá trị dự án (Có VAT. Chưa bao gồm tiền đất): 307 tỷ đồng Việt nam

Tổng diện tích ; 60,000 m2. 60% diện tích xây dựng. 40% diện tích là sân bãi và cây xanh.



Dự án đầu tư khác

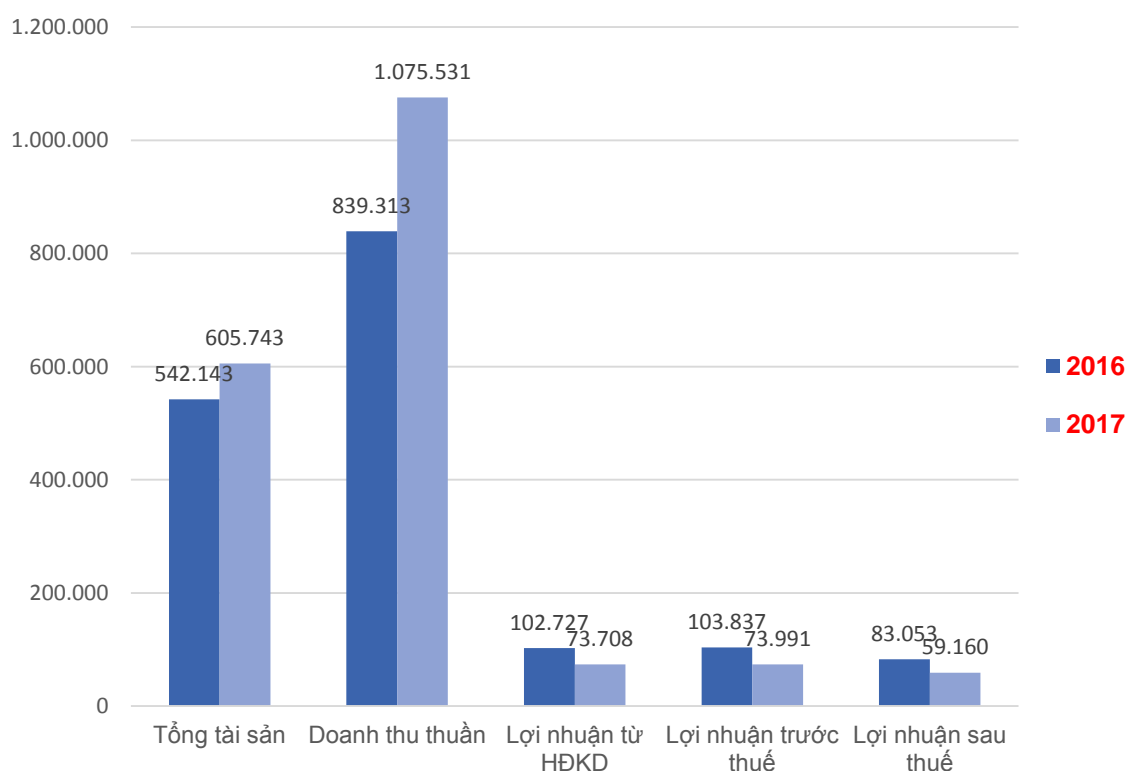
Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ số tiền là 716.390.400 đồng. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Theo các thông tin Công ty đã thu thập được thì Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị này bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục đóng mã số thuế; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã quyết định trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng (tại thời điểm 31/12/2015 là 716.390.400 đồng).



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm so với năm 2016
Tổng tài sản	Triệu đồng	542.143	605.743	11,73%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	839.313	1.075.531	28,14%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	102.727	73.708	-28,25%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.837	73.991	-28,74%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	83.053	59.160	-28,77%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.111	284	-74,44%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	3.472	2.484	-28,46%
Tỷ lệ cổ tức	%	28%	25% (*)	-

(*) Tỷ lệ cổ tức dự kiến. Công ty đã tạm ứng cho cổ đông 10%



Tính đến ngày 31/12/2017, tình hình tổng tài sản đạt 605 tỷ đồng, tăng tương ứng với 11,73%. Nguyên nhân là do trong năm Công ty có đầu tư thêm thiết bị dụng cụ đo lường quản lý, cải tiến máy móc thiết bị, đồng thời hoàn thiện hệ thống mới cho dự án xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn đã đi vào hoạt động trong năm. Bên cạnh đó, việc đưa nhà máy mới vào hoạt động đã đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường, cơ cấu quản lý chặt chẽ và rõ ràng ở từng bộ phận, từng khâu đã giúp tình hình doanh thu của Công ty tăng khả quan đạt 1.076 tỷ đồng, tăng tương ứng 28,14% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong năm cơ sở nhà máy mới được thay đổi, công suất sản xuất cũng được nâng cấp giúp Công ty chủ động tăng năng suất và sản phẩm tiêu thụ, cụ thể giá vốn hàng bán tăng lên 228 tỷ, tương ứng với 37,38% so với cùng kỳ năm 2016, chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng mạnh trong đó có chi phí lãi vay tăng mạnh nguyên nhân là do trong năm Công ty có khoản vay ngắn hạn nhưng chưa đến hạn. Điều này đã ảnh hưởng đồng loạt đến lợi nhuận tính đến cuối năm 2017 giảm như lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 28,25%, lợi nhuận trước thuế giảm 28,74% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2017, với các chính sách đúng đắn, hiệu quả của Ban lãnh đạo là động lực đảm bảo Công ty vẫn tiếp tục phát triển bền vững trong năm 2018 và tương lai.

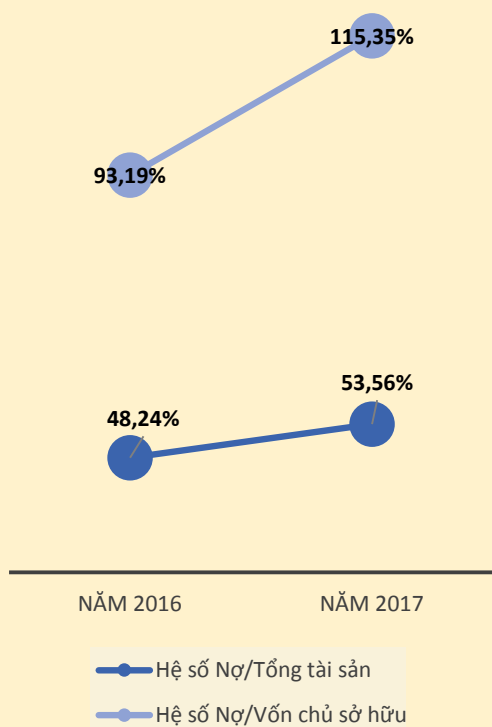


Bảng chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
• Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,79	0,76	-3,80%
(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)				
• Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,48	0,43	-10,42%
((TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)				
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
• Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,24%	53,56%	11,04%
• Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	93,19%	115,35%	23,78%
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động				
• Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,11	8,84	-3,01%
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)				
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,55	1,87	20,65%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
• ROS	%	9,90%	5,50%	-44,44%
• ROE	%	29,60%	21,06%	-28,86%
• ROA	%	15,32%	10,31%	-32,72%
• Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,24%	6,85%	-44,01%



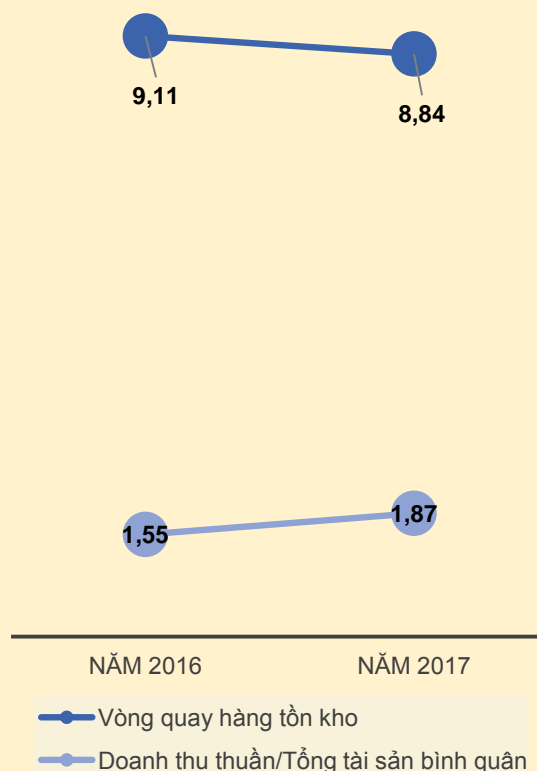
Cơ cấu vốn



Cuối năm 2017, tổng các khoản nợ chiếm 53,56% so với tổng nguồn vốn trong cơ cấu vốn của Công ty, đồng thời tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn được duy trì ở mức an toàn khi nợ chỉ vượt nguồn vốn chủ sở hữu ở mức 15,35%. Nguyên nhân là do khoản nợ tập trung vào nợ ngắn hạn với nợ vay ngân hàng chưa đến hạn nhằm tận dụng lợi thế từ tẩm chắn thuế đồng cho tình hình hoạt động của Công ty, tuy nhiên vẫn đảm bảo thực hiện thanh toán những khoản đến hạn. Mặt khác, trong năm dự án nhà máy mới ở Lộc An – Bình Sơn đi vào hoạt động, trong quá trình hoàn thiện việc đưa hệ thống mới, đồng thời nâng cao năng suất sản xuất đã đẩy khoản nợ phải trả người bán vào thời điểm cuối năm 2017 lên cao hơn so với năm trước khoảng 52 tỷ. Qua tình hình cơ cấu vốn cho thấy Công ty quản lý nợ chặt chẽ, tận dụng cơ hội mà nợ vay mang lại, đồng thời sử dụng phần nợ vay ngắn hạn thanh toán những khoản đến hạn để đảm bảo uy tín và thiết lập mối quan hệ vững bền với đối tác cung ứng nguyên liệu đầu vào nhằm mang lại nguồn đáp ứng về chất lượng và giá cả hợp lý.

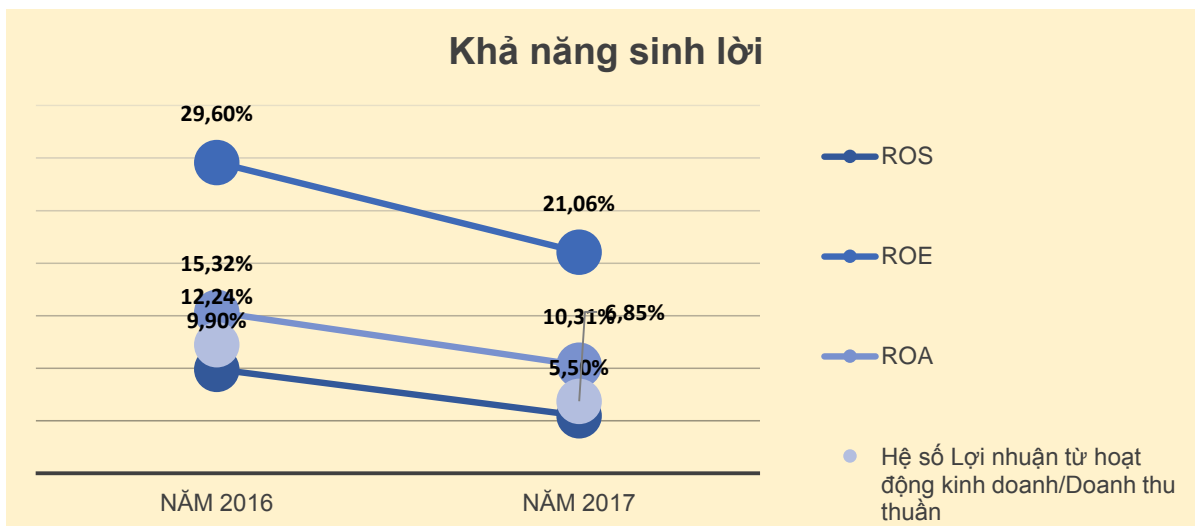
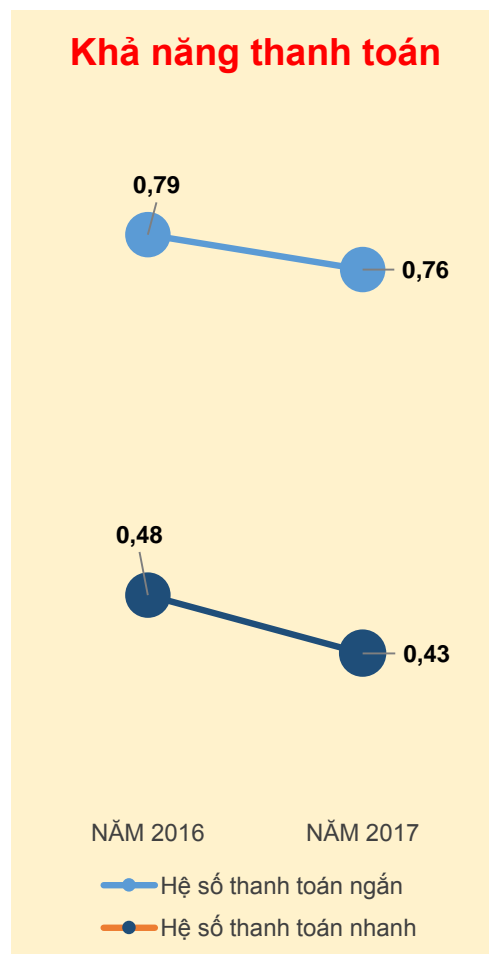
Việc đưa nhà máy mới đi vào hoạt động trong năm 2017 đã mang lại tín hiệu tích cực từ hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân đạt 1,87, tăng tương ứng 20,65%. Đồng thời, đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng cao vào thời điểm dịp cuối năm, đẩy mạnh nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ bán hàng cho nhân viên đã giúp sản phẩm NETCO đến với người tiêu dùng có sức ảnh hưởng tốt. Bên cạnh đó, Công ty còn kết hợp chặt chẽ giữa chính sách bán hàng, khuyến mãi trong những dịp tri ân đến khách hàng, cuối năm với kế hoạch sản xuất số lượng sản phẩm cung ứng ra thị trường, đồng thời phải kế đến chính sách hàng tồn kho. Hiệu suất vòng quay hàng tồn kho đến cuối năm 2017 đạt 8,84 vòng, ở mức ổn định nhưng lại giảm tương ứng 2,96% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do lượng hàng hóa tăng cao và Công ty chính sách tăng dự trữ nguyên liệu và vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất. Tình hình hoạt động sản xuất của Công ty được duy trì ở mức ổn định nhờ vào sự linh động trong các chính sách đồng thời theo dõi yếu tố thị trường một cách chặt chẽ.

Hiệu quả hoạt động



Tính đến ngày 31/12/2017, khả năng thanh toán ngắn hạn và nhanh của Công ty giảm nhẹ. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 0,76, giảm tương ứng 3,8% và hệ số thanh toán nhanh giảm 10,42% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn đồng loạt tăng trong năm lần lượt là 63 tỷ và 22 tỷ nhưng tốc độ tăng của nợ ngắn hạn nhanh hơn so với tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Ngoài ra, theo hạch toán cuối năm của Công ty tình hình hàng tồn kho tăng 27 tỷ đã góp phần làm khả năng thanh toán nhanh bị hạn chế, do Công ty tích trữ hàng hóa cho nhu cầu hàng hóa cuối năm. Đồng thời, trong năm Công ty chuyển sang hoạt động ở nhà máy mới năng suất được cải thiện nên một phần làm tăng hàng tồn kho trong năm 2017. Tuy nhiên, để đảm bảo khả năng vận hành hiệu quả của nhà máy mới và duy trì mức tồn kho phù hợp, Ban lãnh đạo phối hợp với đội ngũ chuyên môn đưa ra kế hoạch thực hiện chính sách tăng dự trữ nguyên liệu, vật liệu khoảng 33,33% so với năm 2016, nhưng vẫn mang lại bức tranh hài hòa giữa tình hình hoạt động Công ty và nhu cầu của thị trường.

Nhìn chung, trong năm 2017 khả năng thanh toán của Công ty còn hạn chế nhưng với những chính sách điều chỉnh phù hợp của Ban điều hành, đã mang đến đóng góp rất lớn đến sự phát triển của NETCO trong năm qua, là tín hiệu tốt cho tình hình hình hoạt động của Công ty nói chung và khả năng thanh toán nói riêng trong những năm tiếp theo.



Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của NETCO ở mức khả quan, các chính sách điều chỉnh các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất trong năm 2017, dự án xây dựng nhà máy mới đi vào hoạt động và đang trong quá trình ổn định cũng đã góp phần ảnh hưởng mạnh đến khả năng sinh lời tính đến ngày 31/12/2017. Ngoài ra, trong kế hoạch đầu năm và nắm bắt được tình hình hoạt động cùng với sự đồng ý của cổ đông nên trong năm Công ty đã giảm tỷ lệ chi trả cổ tức không dưới 12% và đã được tạm ứng trước 10% trong năm.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn của CSH

Cổ phần

STT	Cổ phần	Số lượng
1	Tổng số cổ phần đã phát hành	22.398.374 cổ phần
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	22.398.374 cổ phần
3	Loại cổ phần	Cổ phần thường
4	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	22.398.374 cổ phần
5	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần



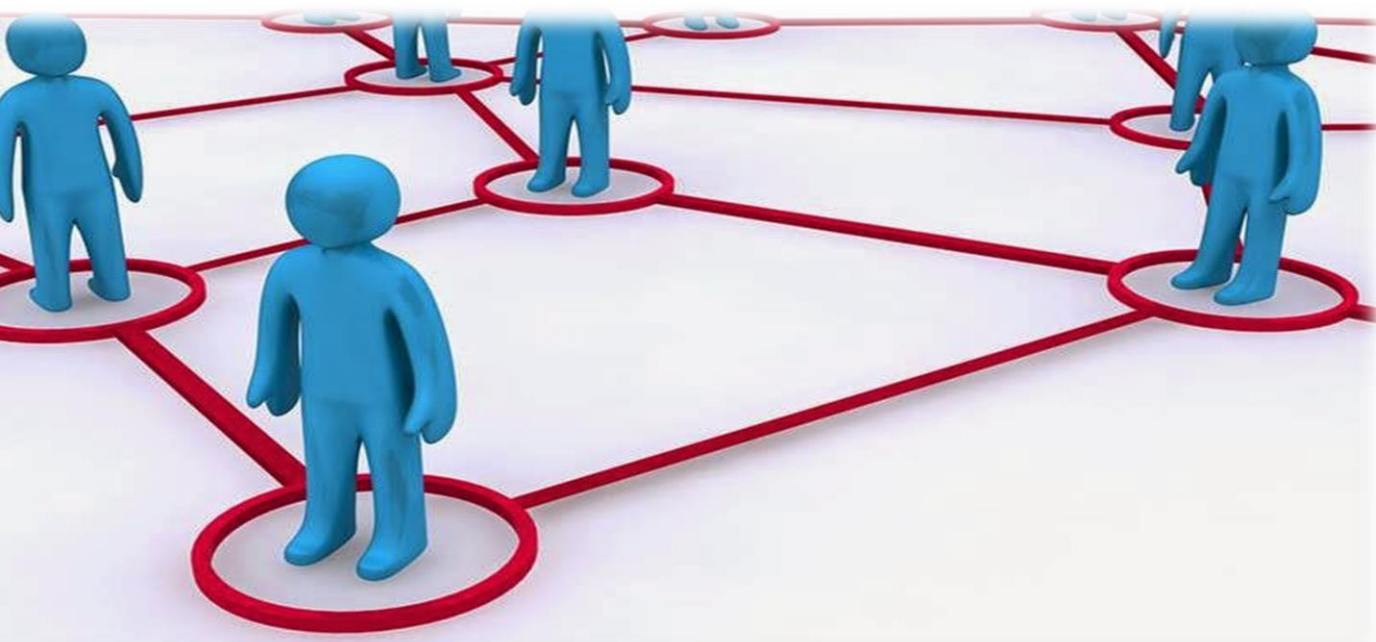
Cổ phần cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	11.423.498	51,00%
II	Cổ đông trong nước	6.306.929	28,16%
1	Cổ đông cá nhân	6.302.456	28,14%
2	Cổ đông tổ chức	4.473	0,02%
III	Cổ đông nước ngoài	4.667.947	20,84%
1	Cổ đông tổ chức	4.622.266	20,64%
2	Cổ đông cá nhân	45.681	0,20%
Tổng cộng		22.398.374	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2017, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có
- **Các chứng khoán khác:** Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

Công ty cổ phần Bột giặt NET được thành lập năm 1975, tính đến nay đã được tròn 50 năm hoạt động, định hướng phát triển của Công ty luôn lấy chữ “Nhân” làm gốc, trong suốt quá trình Công ty luôn xác định mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn đặt con người là vị trí trung tâm, đồng thời luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật trong phạm vi cho phép. Ngoài ra, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội nói chung và Công ty nói riêng.



Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội nhằm hỗ trợ phần nào cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn có ý chí cố gắng vươn lên trong Công ty, tham gia các chương trình từ thiện như : nuôi dưỡng suốt đời một bà mẹ Việt Nam anh hùng cư ngụ tại Long Thành – Đồng Nai và một thương binh cư ngụ tại Quận 8 – TP. HCM, chương trình “Áo trắng tới trường” tại một số trường tiểu học thuộc đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung.

Bên cạnh đó, tình hình hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng có vị thế và uy tín trên thị trường với công thức cho các sản phẩm NET đã và đang được nghiên cứu và đưa ra thị trường dựa trên cơ sở an toàn cho người sử dụng và không ảnh hưởng xấu đến môi trường, đồng thời Công ty không vì chạy theo lợi nhuận mà tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào không đảm bảo chất lượng và giá rẻ.

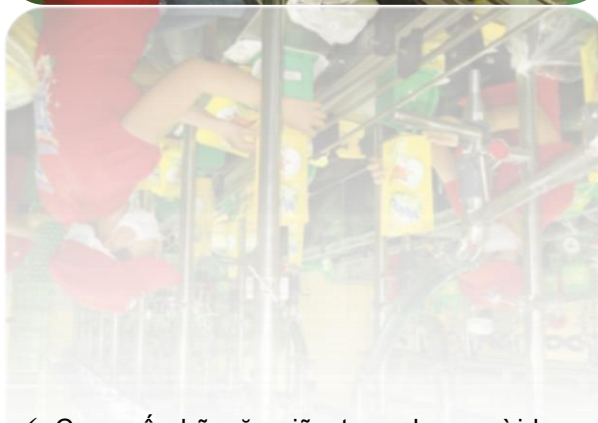
Chính sách liên quan đến người lao động

Nằm trong mục tiêu đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các chính sách sau:

✓ Đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm ổn định, đăng ký mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định pháp luật người lao động.

✓ Đảm bảo chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, cán bộ công nhân viên có thời gian gắn bó với Công ty nhất định sẽ được hưởng chế độ lương tháng thứ 13, ngoài ra, được thưởng theo quy định của Công ty khi đến lễ và Tết. Đồng thời, tạo điều kiện cho công nhân giao lưu và trao đổi kinh nghiệm qua những hoạt động ngoài trời do Công ty tổ chức.

✓ Ngoài việc chấp hành trả lương theo đúng quy định, Công ty còn có khoản thưởng dành cho người lao động có đóng góp và làm việc vì lợi ích chung của Công ty. Tạo động lực để người lao động phát huy khả năng trong môi trường làm việc.



✓ Cung cấp bữa ăn giữa trưa cho người lao động đảm bảo an toàn và chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng công nhân làm tăng ca.

✓ Thăm hỏi và hỗ trợ người lao động ốm đau, gia đình gặp khó khăn.

✓ Đảm bảo việc trang bị bảo hộ an toàn cho người động trong sản xuất, đồng thời tổ chức khám định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe và khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

✓ Tạo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh đối với người lao động, tuyên truyền việc giữ gìn và bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty.

✓ Trong năm, Công ty tổ chức các buổi đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng, phát huy khả năng nghiên cứu, sáng tạo của người lao động. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty thuộc bên lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên kiến thức về phòng cháy chữa cháy được Công ty đặc biệt chú trọng và tổ chức tập huấn, tuyên truyền đến mọi người để đảm bảo an toàn cho mỗi bản thân và lợi ích chung của tập thể Công ty.

Chính sách liên quan đến tiết kiệm năng lượng

Năng lượng đóng vai trò quan trọng đến hoạt động, đời sống của con người, đồng thời năng lượng mang lại cơ chế vận hành cho nền kinh tế của toàn cầu. Nhưng hiện tại con người vẫn đang phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu không tái tạo, đã và đang gây ảnh hưởng rất lớn đến mọi hoạt động. Nhằm bắt đầu vấn đề này và nhằm góp phần giảm bớt chi phí hoạt động, Công ty Cổ phần Bột giặt NET đã chủ động thực hiện việc tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng trong hoạt động ở bộ phận sản xuất kinh doanh và khối văn phòng và cùng với đó, Công ty còn đưa ra quy định và khuyến khích người lao động hưởng ứng.

Do đó, trong năm Công ty đã giảm bớt với năng lượng tiêu thụ trực tiếp gián tiếp:

- Điện: 1.977.000 kWh
- Khí CNG: 1,5%

Ngoài ra, Công ty còn hưởng ứng phong trào tiết kiệm trong việc tiêu thụ nước cho hoạt động sản xuất, nguồn mà Công ty sử dụng là thủy cục do CTCP Cấp nước Đồng Nai cấp, với dung lượng là 30,000 m³ /năm. Trong đó, tỷ lệ phần trăm tái chế và tái sử dụng nằm ở mức 100% lượng nước thải sản xuất, khoảng 4.800 m³ /năm.

Chính sách quản lý nguyên vật liệu

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và có sử dụng hóa chất nên việc quản lý đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của Công ty, hóa chất vương vãi ra ngoài vừa tác động đến sức khỏe người lao động mà còn gây hại cho môi trường, chất lượng sản phẩm. Do đó, Công ty luôn đảm bảo an toàn và bảo toàn chất lượng để mang lại sản phẩm tốt khi đi vào sản xuất với hệ thống nhà kho luôn được bảo trì và đảm bảo nhiệt độ thích hợp.

Là thành phần quan trọng trong sản xuất bột giặt, nước rửa chén, nước tẩy rửa, v.v... nên số lượng nguyên liệu tiêu thụ khá lớn, trong năm Công ty đã sử dụng 52,405 tấn nguyên liệu chính, 4,093 tấn nguyên liệu phụ, 97 tấn nhiên liệu. Đồng thời, để hạn chế nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất thải ra môi trường nên Công ty đã tận dụng 100% và mang tái chế để có thể tiếp tục sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ.



Chính sách tuân thủ và bảo vệ môi trường

Do hoạt động của Công ty liên quan đến sản xuất và có thành phần hóa chất tham gia nên chịu sự quản lý chặt chẽ của các bộ và cơ quan môi trường. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất diễn ra ngày càng mạnh mẽ do quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, đồng thời nhu cầu tiêu thụ của thị trường ngày càng tăng. Do đó, để đáp ứng kịp thời thì hoạt động sản xuất được tăng cường kéo theo việc tác động đến môi trường ngày càng cao, tác động nguy hiểm đến cơ thể và đời sống sinh hoạt của công nhân, khu dân cư xung quanh.

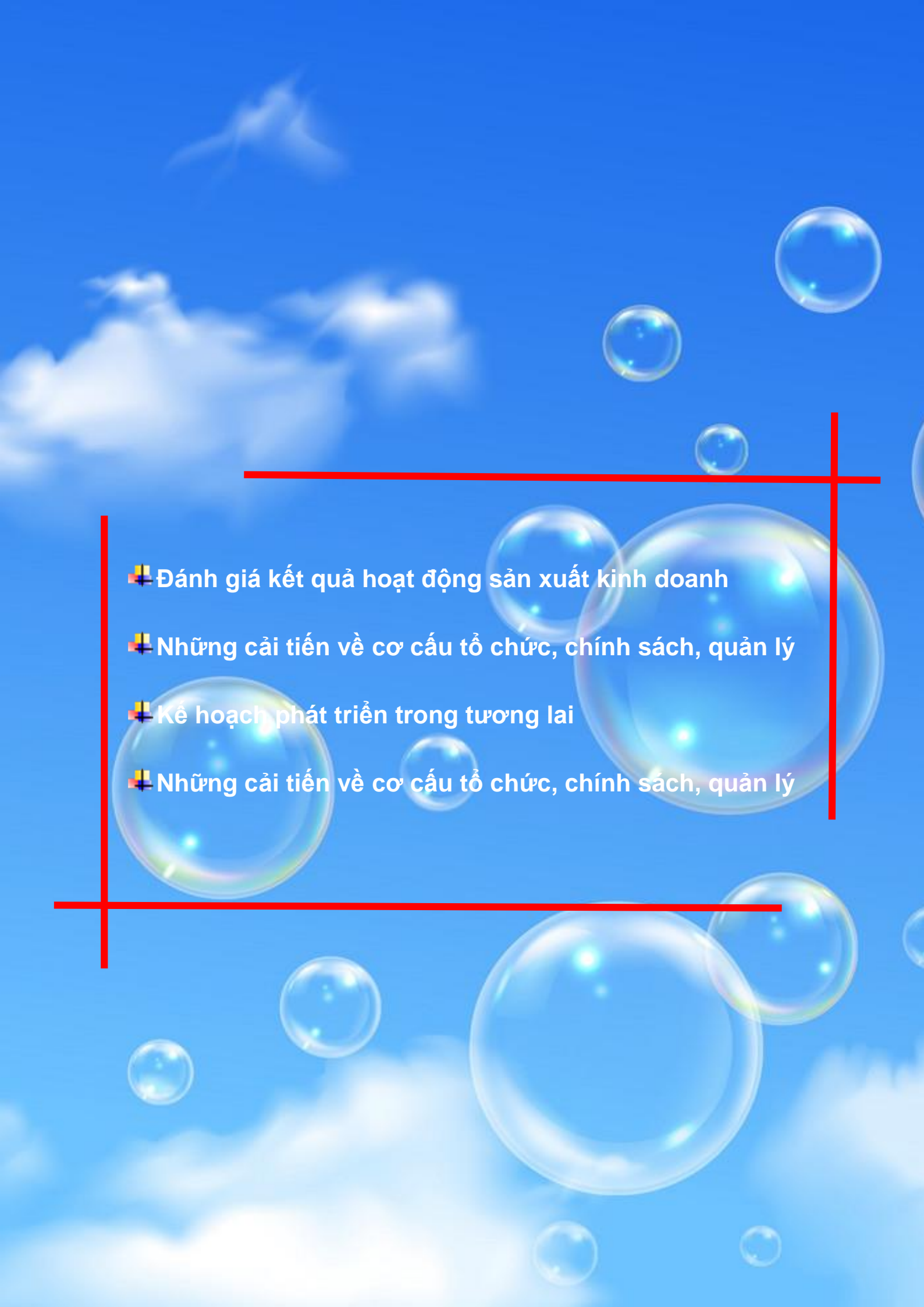
Nắm bắt được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về bảo vệ môi trường, vận động và tuyên truyền cải thiện ý thức của người lao động về vấn đề này ở trong và ngoài Công ty. Sử dụng hệ thống tái chế những nguyên liệu có khả năng sử dụng lại. Điều này đã giúp Công ty tiết kiệm một khoản nguyên vật liệu tương đối, góp phần bảo vệ môi trường bền vững, đảm bảo tình hình hoạt động được diễn ra liên tục.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- 
-
- ✚ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
 - ✚ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
 - ✚ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
 - ✚ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
-

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan đã ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế trong nước, cụ thể theo số liệu của Tổng cục Thống kê: GDP tăng 6,81% vượt kế hoạch đề ra, chỉ số tiêu dùng tăng 3,35% so với cùng kỳ năm 2016, chỉ số bán buôn và bán lẻ tăng,....

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH2017/KH 2017	TH2017/TH 2016
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	843.988	870.000	1.085.215	124,74%	128,58%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.837	80.000	73.992	92,49%	71,26%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	28%(*)	>=12%	25% (**)	-	-

(*): Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 15%; Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 13%.

(**): Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 10%; Việc chi trả cổ tức sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Dự án nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn đã khánh thành và chính thức đưa vào vận hành vào tháng 7/2017 mang lại cho công ty những cơ hội và thách thức. Cơ hội trở thành một trong những nhà sản xuất lớn ngành hàng chăm sóc gia đình năm trong cuối cung ứng khu vực và toàn cầu. Thách thức trước những áp lực nâng cao hiệu suất sử dụng nhà máy và một loạt các chi phí gia tăng.

Nhìn khái quát tình hình năm 2017, có thể đánh giá giá rằng: 2017 là năm thành công nhất trong vòng mười năm trở lại đây trong việc nỗ lực tăng trưởng tại cả hai thị trường nội địa và cung ứng hàng xuất khẩu. Trong điều kiện hoàn cảnh khi đồng thời phải phấn đấu cho ba mục tiêu nhiệm vụ, Ban lãnh đạo công ty đã đề ra định hướng rõ ràng và phân chia sức người một cách hợp lý, đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính như sau:

- Một là nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra đầu năm, thể hiện qua tổng doanh thu đạt 1.075.531 triệu đồng, tăng 28,14% so với 2016. Ban lãnh đạo đã phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cán bộ công nhân viên các phòng ban trong việc nghiên cứu, nắm bắt, cập nhật kỹ lưỡng và nhanh chóng tình hình thị trường, hiểu rõ được nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng nhằm đẩy mạnh hoàn thiện cơ cấu sản phẩm, cải thiện vị trí cạnh tranh và duy trì thị phần trên thị trường của sản phẩm NET.

- Hai là hoàn thành Dự án nhà máy Lộc An Bình Sơn gần đúng sát với thời gian và tiến độ. (04/7/2017, văn phòng chính thức giao dịch và vận hành chạy dài máy móc. 31/7/2017, ký biên bản nghiệm thu chính thức đưa công trình vào sử dụng).
- Ba là di dời tài sản và toàn bộ hoạt động nhà máy Biên Hòa về Lộc An trong vòng 14 ngày một cách an toàn, đảm bảo đủ hàng bán và dự trữ cho quá trình di dời.
Góp phần vào những thành công kể trên, không những nằm ở tính khoa học trong quản trị, bản lĩnh điều hành, tinh thần trách nhiệm cao của Ban lãnh đạo mà còn có sự đóng góp nhiệt tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên vì sự phát triển chung của Công ty Cổ phần Bột giặt NET trong năm 2017 và trong tương lai.

Tuy nhiên, từ Quý 3/2017, khi nhà máy mới Lộc An bắt đầu đi vào hoạt động, công ty phải đối mặt với hai khó khăn rất lớn. Khó khăn thứ nhất là việc ngừng gia công với một trong các khách hàng gia công lớn, chiếm 30%- 60% sản lượng hàng năm. Khó khăn thứ hai là sự biến động tăng giá từ nguồn cung ứng nguyên liệu nhập khẩu, tăng nhẹ giá dầu mỏ và sự biến thiên thất thường đến 40% của dầu cọ trên thế giới ảnh hưởng khá mạnh đến tỷ suất lợi nhuận của công ty. Trong hai yếu tố này thì yếu tố thứ hai là yếu tố cơ bản. Ngoài ra, một số các chi phí tăng để phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường, bố trí xe đưa đón người lao động cho tất cả các ca sản xuất, điều chỉnh chính sách thu nhập cho người lao động ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận của công ty. Cụ thể lợi nhuận trước thuế đạt 73.992 triệu đồng, tương ứng 92,49% so với chỉ tiêu đặt ra của Đại hội đồng cổ đông đầu năm 2017.

Bảng thống kê

<i>Khoản mục</i>	Năm 2016		Năm 2017	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng</i>
Tài sản dài hạn	336.579	62,08%	358.275	59,15%
Tài sản ngắn hạn	205.564	37,92%	247.468	40,85%
Tổng tài sản	542.143	100,00%	605.743	100,00%
Nợ ngắn hạn	261.523	48,24%	324.365	53,55%
Nợ dài hạn	-	-	100	0,02%
Vốn chủ sở hữu	280.621	51,76%	281.278	46,44%
Tổng nguồn vốn	542.143	100,00%	605.743	100,00%

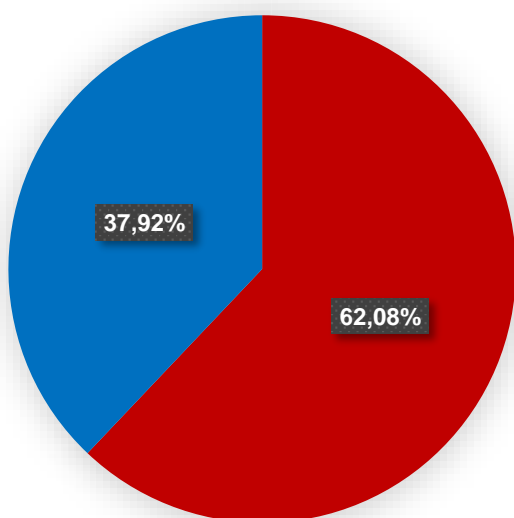
Cơ cấu tài sản

Tính đến cuối ngày 31/12/2017, tổng tài sản của Công ty đạt 605.743 triệu đồng, tăng 11,73% so với cùng kỳ năm 2016 tập trung vào tài sản ngắn hạn chiếm 40,85% trong cơ cấu tổng tài sản. Nguyên nhân là do tăng mạnh ở các khoản tương đương tiền và hàng tồn kho. Cụ thể, hàng tồn kho tính đến thời điểm cuối năm 2017 tăng mạnh nhằm vào việc tăng dự trữ nguyên vật liệu dùng cho sản xuất và thành phẩm tồn kho cung ứng cho thị trường dịp cuối năm.

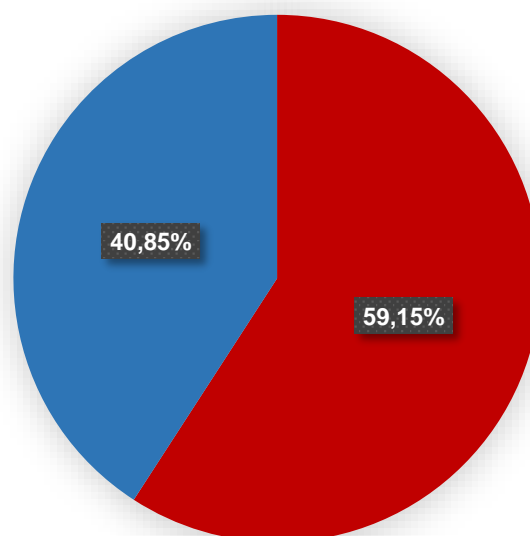
Khoản mục tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 59,15% so với tổng cơ cấu tài sản, do dự án nhà máy mới ở Lộc An – Bình Sơn hoàn thành đã làm tăng khoản tài sản cố định của Công ty và giảm khoản mục tài sản xây dựng dở dang.



Năm 2016



Năm 2017



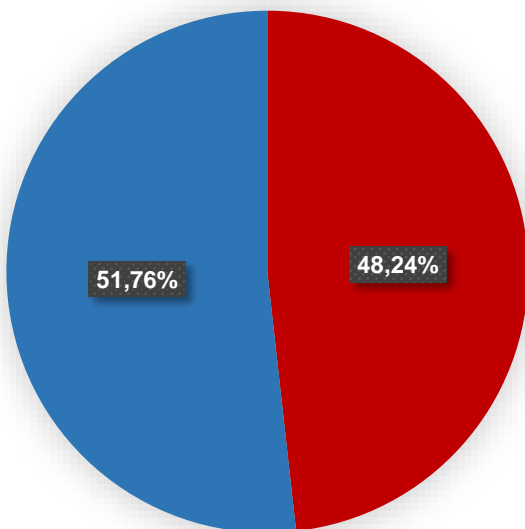
■ Tài sản dài hạn
■ Tài sản ngắn hạn



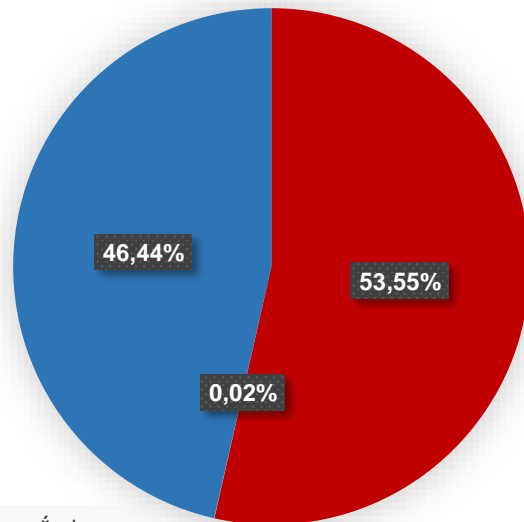
Cơ cấu nguồn vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty không có khoản nợ dài hạn, do đó tỷ trọng nợ chiếm 53,56% trong cơ cấu vốn và nợ phải trả chỉ tập trung vào nợ ngắn hạn. Đồng thời, với tỷ trọng như trên cho thấy Công ty đang nắm giữ nợ nhiều hơn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, trường hợp này được đánh giá khả quan, do Công ty chi phối tốt và linh động giữa những khoản trong nợ ngắn hạn với nhau, bên cạnh đó còn tận dụng lợi thế từ tầm chắn thuế. Cụ thể, trong năm Công ty kết hợp và linh động giữ vay nợ và thanh toán khoản nợ đến hạn, điều này cũng được diễn ra tương tự ở khoản mục phải trả người bán. Diễn biến giữa nợ và vốn chủ sở hữu cho thấy, Công ty kiểm soát tốt luồng tiền, tận dụng lợi thế từ vay nợ. Đồng thời, với uy tín được Công ty xây dựng trong thời gian dài và tạo niềm tin với đối tác đã giúp thiết lập mối quan hệ trong kinh doanh lành mạnh và hỗ trợ lẫn nhau.

Năm 2016



Năm 2017



- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn
- Vốn chủ sở hữu

Năng lượng

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Mô hình Giám đốc điều hành và các Giám đốc chức năng được thay đổi sang mô hình Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc chức năng. Công ty tiếp tục áp dụng mô hình quản lý phân cấp. Tại từng phân xưởng, phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo. Tuy nhiên, có một vài điểm trong mô hình cơ cấu tổ chức của khối kỹ thuật và QA được đánh giá công kênh, có thể rút gọn và tinh giản.

Trong năm, chính sách nguồn nhân lực được đặc biệt chú trọng. Công ty triển khai áp dụng chính sách “Giữ người cần giữ” đối với một số vị trí cán bộ có năng lực chuyên môn được đánh giá là cần thiết và hữu ích trong chiến lược phát triển của công ty. Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng ban, công ty tiếp tục cử cán bộ đi học các khóa học ngắn hạn theo từng chuyên đề riêng.

Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/ phạt v.v... được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

Trong quá trình thực hiện, hàng quý, Công ty tiến hành đánh giá lại xem chính sách còn điểm nào chưa phù hợp để tiến hành điều chỉnh kịp thời.

Có một điểm cần được ghi nhận và rất đáng khen ngợi đối với Ban lãnh đạo công ty khi nói về năm 2017. Đó là: tinh thần và thái độ làm việc cực kỳ tích cực, sự tận tụy trong công việc, ý thức trách nhiệm cao đối với doanh nghiệp. Trong năm 2017, với cơ cấu và số lượng nhân sự không đổi, vừa điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy Biên Hòa và các chi nhánh trong một môi trường luôn biến động bởi các yếu tố vĩ mô và vi mô, vừa thực hiện hàng loạt các công tác của Dự án nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn với qui mô đầu tư trên 300 tỷ đồng, tiến hành hoạt động di dời toàn bộ nhà máy Biên Hòa về nhà máy mới, Ban điều hành đã làm việc với một công suất cao gấp 1,5 lần đến 2 lần so với thời gian trước. Sẽ không thể có sự tận tụy ấy nếu Ban lãnh đạo công ty thiếu đi nghị lực vượt khó, thiếu đi sự gắn bó cũng như tình yêu đối với công ty và trách nhiệm đối với doanh nghiệp. Đó là tài sản vô hình quý giá, chúng ta – các cổ đông đang sở hữu, mà không phải bất cứ công ty nào cũng có được.

Trắng và thơm ngay cả trong nước

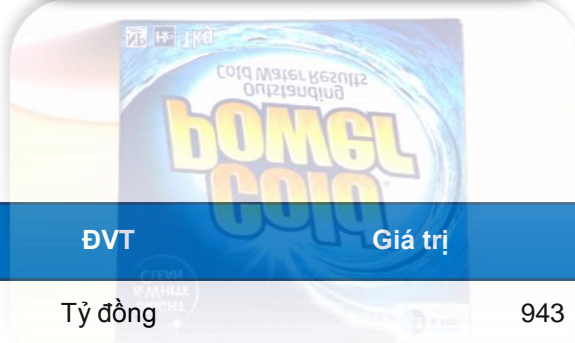
mặt trời đỏ

phèn



Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục thực hiện chọn con đường không đối đầu với các công ty đa quốc gia mà trở thành nhà sản xuất lớn, sản xuất thương hiệu của riêng mình và gia công cho tất cả các đối tác trong hay ngoài nước có nhu cầu.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo, huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV và xây dựng chính sách trọng nhân tài.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng nhà máy Lộc An.
- Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất (nhân công, tiện ích)/tấn sản phẩm.



STT	Chỉ tiêu 2018	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	943
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60



Theo tình hình kinh tế năm 2018, Công ty đã đề ra chính sách kinh doanh thận trọng với các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như trên là do:

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan: giá nguyên liệu thô có nguồn gốc Trung Quốc tăng rất mạnh so với 6 tháng đầu năm 2017. Đặc biệt giá dầu mỏ và giá dầu cọ đang biến động, rất khó dự đoán.

Thứ hai, nguyên nhân khách quan: Ảnh hưởng hàng chất tẩy rửa có xuất xứ Thái Lan đến một số thị trường lân cận, có thể dẫn đến giảm số lượng hàng xuất khẩu.

Thứ ba là nguyên nhân chủ quan. Việc xây dựng nhà máy mới Lộc An Bình Sơn với chi phí đầu tư trên 300 tỷ đồng Việt nam sẽ ảnh hưởng chi phí khấu hao, phát sinh chi phí vốn vay,... làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến lợi nhuận.



Báo cáo về trách nhiệm môi trường, xã hội



**Trách nhiệm
với
môi trường**



Thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang tác động không nhỏ đến môi trường. Ý thức được trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng, Công ty đã tuân thủ tốt các quy định, chính sách của Nhà nước. Năm qua, Công ty tăng cường nghiên cứu và nâng cao khả năng tái chế các phế thải công nghiệp độc hại để có thể vừa giảm tác hại với môi trường vừa có thể tận dụng được nguồn tái chế mang vào tiếp tục sản xuất, giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty còn đẩy mạnh công tác giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường xung quanh nơi làm việc và ngoài xã hội cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ tác động của quá trình sản xuất đến môi trường đất, nước, không khí xung quanh khu nhà máy để đảm bảo và kịp thời ứng phó tình trạng ô nhiễm có xảy ra nhằm mang lại không gian làm việc trong lành, góp phần giúp Công ty phát triển bền vững.

Về các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v...): luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về môi trường, áp dụng việc sử dụng khí CNG (khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là khí CH₄) để làm nhiên liệu đốt lò nên hạn chế rất nhiều việc phát thải các khí độc hại ra môi trường như SO₂, NO_x, v.v...

Xã hội là nền tảng giúp Công ty vận hành và duy trì hoạt động, đồng thời xã hội cũng mang lại nguồn lao động sáng tạo giúp Công ty tiếp tục tăng trưởng bền vững. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục hoạt động tài trợ cho chương trình “Vượt lên chính mình”, chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, chính sách đối với người có công với cách mạng, tạo điều kiện cho các em sinh viên trẻ được thực tập. Ngoài ra, phong trào “Hiến máu nhân đạo”, góp ủng hộ quỹ “Hướng về Trường Sa” được được phát động trong lực lượng đoàn viên thanh niên.

Sản phẩm Công ty sản xuất nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội nên trong công tác sản xuất của NETCO luôn chú trọng đến việc đảm bảo an toàn trong sử dụng, đạt tiêu chuẩn không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường. Cụ thể: Công ty chuyển đổi nguyên liệu đốt từ dầu FO sang dùng khí CNG, đã giúp tiết kiệm đến khoảng 10% chi phí hoạt động và đảm bảo hạn chế thấp nhất tác động đối với môi trường. Trong năm, Công ty duy trì hệ thống tái chế nước thải sử dụng lại nhằm tiết kiệm được chi phí và hạn chế thải chất độc hại ra môi trường. Ngoài ra, các sản phẩm mà Công ty sản xuất là chất tẩy rửa nên công tác sản xuất của NETCO được bảo đảm an toàn, đúng chuẩn để không gây hại cho sức khỏe người sử dụng và an toàn cho môi trường. Cụ thể: trong năm 2017, công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại của khách hàng về sản phẩm khi sử dụng. Nguồn nước sử dụng để sản xuất các dòng sản phẩm lỏng của công ty được chiếu tia cực tím và tuân thủ nghiêm ngặt về vi sinh.

Nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn với tổng diện tích 60,000 m², trong đó diện tích xây dựng chiếm 60%, được đánh giá là môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát và an toàn cho người lao động. Với chi phí đầu tư gần 15 tỷ cho hệ thống Nucon thu gom hút bụi và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất, nhà máy Lộc An đã mang lại môi trường Trong lành - Sạch - Đẹp cho các đối tượng làm việc tại công ty và cộng đồng người dân địa phương.



Trách nhiệm với xã hội





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- 
-
- ✚ **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**
 - ✚ **Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám Đốc**
 - ✚ **Các kế hoạch định hướng của HĐQT**
-

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động

Kết quả hoạt động SXKD	2016	2017	Tăng/giảm 2017/2016	% Tăng/giảm 2017/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	839.313	1.075.531	236.218	28,14%
Giá vốn hàng bán	609.992	837.983	227.991	37,38%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	229.320	237.548	8.228	3,59%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	102.727	73.708	-29.019	-28,25%
Lợi nhuận khác	1.111	284	-827	-74,44%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.837	73.992	-29.845	-28,74%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.053	59.160	-23.893	-28,77%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	3.472	2.484	-988	-28,46%

Năm 2017, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế được đánh dấu sự phục hồi trở lại, những dự báo khả quan của các tổ chức tài chính kết hợp đội ngũ nghiên cứu thị trường đã giúp các doanh nghiệp trong nước định hướng chính sách và kế hoạch đúng đắn, phù hợp với tình hình thị trường, điều này đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của Việt Nam trong năm 2017. Cụ thể GDP đạt 6,81% vượt kế hoạch đề ra đầu năm của Quốc hội, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 3,53%, v.v...ngoài ra, hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm, tạo tín hiệu tích cực cho thị trường tiêu thụ. Đây là động lực lớn giúp các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ nói chung, Công ty Cổ phần Bột giặt NET nói riêng.



Với những biến động tích cực của thị trường đã giúp tình hình tiêu thụ của bột giặt NET tăng trưởng đáng kể, cụ thể doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của NETCO đạt 1.075.531 triệu đồng, tăng 28,14% so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, dự án nhà máy mới giúp cải thiện sản lượng sản xuất, tuy nhiên đã làm tăng giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động ảnh hưởng không nhỏ mục đích lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra đầu năm, cụ thể lợi nhuận trước thuế đạt gần 74 tỷ, giảm 28,74% so với cùng kỳ năm 2016.

Đứng trước thị trường tiêu thụ đang bị cạnh tranh ngày càng gay gắt, Ban lãnh đạo đã đưa ra những chính sách đúng đắn và phù hợp với tình hình thị trường, cùng với đó là sự nỗ lực và làm việc hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty vẫn tiếp tục phát triển ổn định, tự tin nâng cao và mở rộng quy mô nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu người tiêu dùng, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả phù hợp của sản phẩm NET.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- ✓ Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Năm 2017, Ban Tổng giám đốc công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông, HĐQT giao.
- ✓ Trong công tác quản lý tài chính minh bạch, chủ động đưa ra những ý kiến đề xuất, thực hành tốt công tác tiết kiệm chống lãng phí; Cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực làm việc, hợp tác nhiệt tình thực hiện nhiệm vụ được giao đặc biệt là sự gia tăng về doanh số bán hàng.

Đánh giá và kết luận

- ✓ Trong năm qua, thành viên HĐQT có sự thay đổi một người. Tổng giám đốc là năm thứ 2 trực tiếp điều hành kể từ khi được bổ nhiệm và tiếp nhận nhiệm vụ về cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. HĐQT đã định hướng và chỉ đạo thực hiện sát sao có hiệu quả các mục tiêu Nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên đề ra.



Các kế hoạch và định hướng của HĐQT

Nhận định tình hình chung

Năm 2018, kinh tế thế giới được dự báo là tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng không đồng đều còn nhiều rủi ro, xu hướng bảo hộ vẫn gia tăng. Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) được ký kết, ngành sản xuất chất tẩy rửa không chỉ chịu sự cạnh tranh trong nước (xuất hiện các nhà máy sản xuất chất tẩy rửa mới) mà còn có nhiều đối thủ ngoài nước tham gia thị trường Việt Nam, do có nhiều dòng thuế được cắt giảm. Đây vừa là thách thức lớn cho Công ty, Công ty phải nhanh chóng cơ cấu lại các nguồn lực, phát huy hiệu quả đầu tư để phát triển.

Mục tiêu phấn đấu

Từ nhận định trên, HĐQT Công ty xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 cụ thể như sau:

Mục tiêu xuyên suốt của Công ty

Phát huy năng lực và giá trị cốt lõi của mình, quyết tâm đẩy mạnh triển khai chiến lược phát triển mặt hàng và tăng số lượng hàng bán; Thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất trên cơ sở tăng năng suất lao động; Có chính sách bán hàng phù hợp, linh hoạt theo sát diễn biến của thị trường; Lấy con người là trung tâm của mọi hoạt động, tăng cường huấn luyện, đào tạo đào tạo lại, kết hợp đan xen giữa mới và cũ; Từng bước nâng tầm vị thế, hình ảnh và thương hiệu NETCO trong nội bộ, ngành, cộng đồng, các nước trong khu vực và từng bước trên thế giới thông qua các chương trình hữu hiệu, đưa NETCO trở thành đơn vị tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc

- ✓ Thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty các nội dung Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
- ✓ Hoàn thành các quy chế, quy định quản lý... cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- ✓ Tăng cường kiểm soát các chi phí, thực hành tiết kiệm... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Kế hoạch năm 2018 với các chỉ tiêu chính

- ✓ Tổng doanh thu bán hàng 943 tỷ đồng;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế 60 tỷ đồng;
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cùng khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.




QUẢN TRỊ CÔNG TY





 **Hội đồng quản trị**

 **Ban kiểm soát**

 **Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng
của HĐQT, BGD, BKS**

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT- TGD
3	Phạm Quang Hòa	TV HĐQT
4	Phan Văn Tiền	TV HĐQT
5	Nguyễn Mạnh Hùng	UVHĐQT - Phó TGD PT Nội Chính



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty có tất cả 6 cuộc họp với sự tham gia góp ý kiến của 100% thành viên Hội đồng quản trị và ban hành các nghị quyết, quyết định, cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham gia	Tỷ lệ tham gia dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Thanh Tùng	CT HĐQT	CT HĐQT từ 28/06/2016 đến hết 28/07/2017	5/5	100%	
2	Trần Quốc Cường	CT HĐQT	CT HĐQT từ 29/07/2017	2/2	100%	
3	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT-TGD	TV HĐQT từ 12/2006	6/6	100%	
4	Phạm Quang Hòa	CT HĐQT/TV HĐQT	Kể từ 12/2006 đến 28/01/2016 CT HĐQT Kể từ ngày 29/1/2016 thôi TV HĐQT và CT HĐQT Kể từ ngày 28/6/2016; là TV HĐQT	5/6	83.3%	vắng có lý do, đã ủy quyền lại cho bà Thái Thị Hồng Yến biểu quyết các vấn đề ghi trong nội dung cuộc họp
5	Phan Văn Tiền	CT HĐQT/TV HĐQT	Là TV HĐQT (CT HĐQT) từ 29/1/2016; từ 28/06/2016 là TV HĐQT	5/6	83.3%	Bị ốm, đã ủy quyền lại cho CTHĐQT biểu quyết các vấn đề ghi trong nội dung cuộc họp
6	Nguyễn Mạnh Hùng	UV HĐQT- Phó TGD PT Nội Chính	TV HĐQT từ 12/2006	6/6	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết Định	Ngày	Nội dung
I. CÁC NGHỊ QUYẾT			
1	20/NQ-HĐQT- NET/2017	01/02/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc/ Giám Đốc Điều Hành Công ty Cổ phần bột giặt NET
2	03/NQ-HĐQT- NET/2017	21/02/2017	Về việc chấp thuận để GĐĐH Công ty triển khai quy trình bổ nhiệm mới và tái bổ nhiệm chức danh trưởng phòng và tương đương của Công ty Cổ phần bột giặt NET
3	04/NQ-HĐQT- NET/2017	24/02/2017	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty cổ phần bột giặt NET
4	05/NQ-HĐQT- NET/2017	17/03/2017	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty cổ phần bột giặt NET
5	06/NQ-HĐQT- NET/2017	20/05/2017	Về việc triển khai quy trình bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám Đốc, Giám đốc chức năng, bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần bột giặt NET và các nội dung khác về hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty.
6	08/NQ-HĐQT- NET/2017	30/06/2017	Về việc thành lập chi nhánh Công ty cổ phần bột giặt NET tại Biên Hòa.
7	09/NQ-HĐQT- NET/2017	28/07/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chức năng, nhân sự Hội đồng Quản trị của Công ty, tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bột giặt NET.
8	10 /NQ-HĐQT- NET/2017	23/10/2017	Về việc tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bột giặt NET

STT	Số Nghị quyết/ Quyết Định	Ngày	Nội dung
-----	------------------------------	------	----------

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH

1	28/QĐ-HĐQT- NET/2017	01/02/2017	Quyết Định bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc/ Giám Đốc Điều Hành Công ty Cổ phần bột giặt NET
2	02/QĐ-HĐQT- NET/2017	06/03/2017	Về việc Thành lập "Ban chạy thử nghiệm" nhà máy sản xuất của Công ty Cổ phần bột giặt NET tại Khu công Nghiệp Lộc An - Bình Sơn
3	03/QĐ-HĐQT- NET/2017	30/06/2017	Về việc thành lập chi nhánh Công ty cổ phần bột giặt NET tại Biên Hòa
4	04/QĐ- HĐQT/2017	30/06/2017	Về việc phê duyệt phát sinh tăng một số nội dung công việc thuộc phần thiết bị Dự Án Nhà máy sản xuất của Công ty Cổ phần bột giặt NET tại KCN Lộc An - Bình Sơn
5	05/QĐ-HĐQT- NET/2017	28/07/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ & Sản xuất Công ty Cổ phần Bột giặt NET
6	06/QĐ-HĐQT- NET/2017	28/07/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách Nội Chính Công ty Cổ phần Bột giặt NET
7	07/QĐ-HĐQT- NET/2017	28/07/2017	Về việc bổ nhiệm lại chức danh kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Bột giặt NET
8	08/QĐ-HĐQT- NET/2017	28/07/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chất lượng Công ty Cổ phần bột giặt NET

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát công ty kiểm tra giám sát các vấn đề sau:

- ✓ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- ✓ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các văn bản HĐQT đã ban hành về tiến độ và biện pháp thực hiện.
- ✓ Thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc.
- ✓ Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng BKS
2	Dương Huy Mạnh	UV BKS
3	Nguyễn Thị Mai Phương	UV BKS

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông

✓ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

✓ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Không có.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hoạt động khác của BKS

Không có.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

STT	Họ và tên	Thù lao HĐQT, BKS (%)	Lương BGD (%)	Tổng
1	Hội đồng quản trị			
1.1	Trần Quốc Cường	100%		100%
1.1	Phạm Thanh Tùng	100%		100%
1.2	Phan Văn Tiền	100%		100%
1.3	Phạm Quang Hòa	100%		100%
1.4	Nguyễn Mạnh Hùng			
1.5	Thái Thị Hồng Yến			
2	Ban kiểm soát			
2.1	Nguyễn Thị Hồng Châu	100%		100%
2.2	Dương Huy Mạnh	100%		100%
2.3	Nguyễn Thị Mai Phương	100%		100%
3	Ban điều hành			
3.1	Thái Thị Hồng Yến	6%	94%	100%
3.2	Nguyễn Mạnh Hùng	21%	79%	100%
3.3	Cao Trần Đăng Khoa		100%	100%
3.4	Phạm Quốc Cường		100%	100%
3.5	Trần Thị Ái Liên		100%	100%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Loại giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	AMERICA LLC	Không	1.333.920	Mua	10.000	1.343.920	14/09/2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





140.
+ 144.
+ 1204.
+ 2008.
+ 1804.

2055

21.
42.68
547.20
672.08

+ 2
+
+

31142.45

+ 3542.55
+ 1352.14
+ 2100.36
+ 854.94

59.14

1312.25
954.36
874.48
+ 689.45

=====
38992.44

=====
30589.68

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đồng Nai, tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Quốc Cường	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/07/2017)
Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/07/2017)
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
Ông Phạm Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phạm Văn Tiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/02/2017)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính/Giám đốc nhân sự (Bổ nhiệm ngày 01/08/2017)
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc kỹ thuật
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất/Giám đốc sản xuất (Bổ nhiệm ngày 01/08/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Số: 41 /2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Bột giặt Net

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Net (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/03/2018, từ trang 04 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

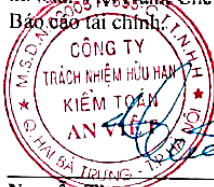
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

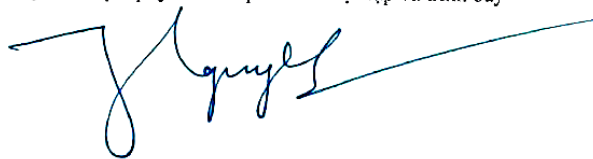
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Net tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán 0308-2018-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018



Trần Minh Nguyệt
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán 3412-2015-055-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.468.462.315	205.564.317.683
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	97.052.279.042	67.430.898.879
1. Tiền	111		13.852.279.042	13.930.898.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		83.200.000.000	53.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.268.558.954	50.891.353.088
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.473.574.355	42.510.859.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		735.423.133	8.040.194.722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		333.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	726.561.466	340.299.000
III. Hàng tồn kho	140	8	108.495.022.146	81.190.820.837
1. Hàng tồn kho	141		108.495.022.146	81.190.820.837
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		652.602.173	6.051.244.879
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		635.249.348	6.051.244.879
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	17.352.825	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		358.274.780.584	336.579.046.233
I. Tài sản cố định	220		293.214.944.605	50.100.724.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	293.214.944.605	50.100.724.358
- Nguyên giá	222		369.322.718.695	131.003.957.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.107.774.090)	(80.903.233.492)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	15.195.611.513	-
- Nguyên giá	231		35.306.730.252	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20.111.118.739)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.458.935.039	235.246.364.226
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.458.935.039	235.246.364.226
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		48.405.289.427	51.231.957.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	48.405.289.427	51.231.957.649
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		605.743.242.899	542.143.363.916

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		324.465.348.047	261.522.807.916
I. Nợ ngắn hạn	310		324.365.348.047	261.522.807.916
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	156.711.442.559	104.186.217.467
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.838.445.893	9.367.633.302
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.840.582.057	4.650.004.415
4. Phải trả người lao động	314		14.354.754.970	9.406.749.093
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	13.322.916.917	11.411.014.174
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		660.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	8.104.425.876	8.329.224.285
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	111.361.800.825	113.786.977.432
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.170.978.948	384.987.748
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	12	100.000.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		281.277.894.852	280.620.556.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	281.277.894.852	280.620.556.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.706.553.642	3.248.753.642
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.587.601.210	53.388.062.358
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		8.351.373.371	5.033.115.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.236.227.839	48.354.946.872
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		605.743.242.899	542.143.363.916

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập



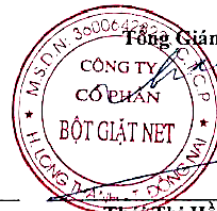
Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc



Phái Thị Hồng Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

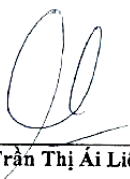
MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.075.698.997.960	839.312.807.280
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	167.662.422	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.075.531.335.538	839.312.807.280
4. Giá vốn hàng bán	11	22	837.983.354.954	609.992.319.779
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		237.547.980.584	229.320.487.501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.026.215.151	3.316.322.224
7. Chi phí tài chính	22	25	2.922.200.088	2.139.329.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.877.913.390	203.475.448
8. Chi phí bán hàng	25	26	142.449.901.731	105.489.160.035
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.494.160.099	22.281.668.110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.707.933.817	102.726.652.065
11. Thu nhập khác	31	28	4.490.591.428	1.359.703.615
12. Chi phí khác	32	27	4.206.567.500	248.893.177
13. Lợi nhuận khác	40		284.023.928	1.110.810.438
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.991.957.745	103.837.462.503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	14.832.355.906	20.784.954.631
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.159.601.839	83.052.507.872
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.484	3.472
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.484	3.472

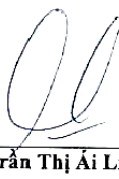
Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập



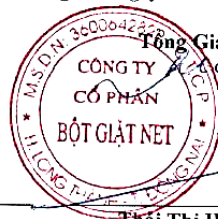
Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc



Thái Thị Hồng Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	73.991.957.745	103.837.462.503
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.172.128.115	10.489.027.400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(60.935.457)	1.678.501.967
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.025.326.860)	(2.940.806.248)
- Chi phí lãi vay	06	1.877.913.390	203.475.448
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	89.955.736.933	113.267.661.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.824.252.357	(2.644.834.558)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.881.622.148)	(28.527.121.324)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	58.691.881.421	67.556.855.723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.826.668.222	2.344.809.300
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.877.913.390)	(203.475.448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.900.140.555)	(21.803.543.906)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.919.008.800)	(11.733.484.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	110.719.854.040	118.256.866.584
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(30.260.834.659)	(210.369.140.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	169.509.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(400.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	67.000.000	117.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.346.734.724	3.320.439.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.247.099.935)	(109.279.191.864)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	203.991.792.246	112.236.466.801
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(206.327.482.508)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.516.260.200)	(81.593.230.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.851.950.462)	30.643.235.851
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	29.620.803.643	39.620.910.571
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	67.430.898.879	27.804.830.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	576.520	5.158.084
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	97.052.279.042	67.430.898.879

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập



Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc



Thái Thị Hồng Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt Net (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01/07/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 số 3600642822 ngày 26/5/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 223.983.740.000 đồng, tương ứng với 22.398.374 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NET.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, trụ sở chính của Công ty tại Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (trước đó Trụ sở của Công ty tại Đường số 8 - KCN Biên Hòa I - Phường An Bình - Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chất tẩy rửa, mỹ phẩm;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2017, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đồng Nai và ba Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hà Nội	Km số 1, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
2	Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 617 - 629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
3	Chi nhánh Biên Hòa	Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhưng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh “Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi”.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 15

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê/nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế/tồn thất do suy giảm giá trị. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm toàn bộ tài sản là hệ thống nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
Cơ sở hạ tầng	05 - 20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí quảng cáo; chi phí sử dụng hạ tầng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm các tài sản không đủ ghi nhận là tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.
- Phí sử dụng hạ tầng đợt 1,2 cho khu đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn phục vụ cho dự án đi dờ nhà máy tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế hoạch vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo;

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng; chi phí bao bì, đóng gói; chi phí vận chuyển; chi phí hỗ trợ nhà phân phối; chi phí quảng cáo, hoa hồng, môi giới....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi hoàn nhập các khoản dự phòng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	510.990.743	871.560.880
Tiền gửi ngân hàng	13.341.288.299	13.059.337.999
Các khoản tương đương tiền (*)	83.200.000.000	53.500.000.000
Cộng	97.052.279.042	67.430.898.879

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,5%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	39.473.574.355	42.510.859.366
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	6.740.590.312	7.796.626.533
NEU-TECH Ltd	1.099.716.624	2.219.073.500
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố	8.428.373.071	8.072.098.678
Các khách hàng khác	23.204.894.348	24.423.060.655

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	726.561.466	-	340.299.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	366.047.779	-	122.204.167	-
Ký cược, ký quỹ	24.500.000	-	-	-
Tạm ứng	82.844.767	-	80.010.000	-
Phải thu khác	253.168.920	-	138.084.833	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	73.844.791.178	-	61.780.403.462	-
Công cụ, dụng cụ	323.060.271	-	371.211.288	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.129.606.171	-	1.820.630.688	-
Thành phẩm	32.197.564.526	-	17.218.575.399	-
Cộng	108.495.022.146	-	81.190.820.837	-

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do giá trị ghi sổ của hàng tồn kho không vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ số tiền là 716.390.400 đồng. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/1 cổ phần, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Hiện tại Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	48.405.289.427	51.231.957.649
Chi phí sử dụng hạ tầng	47.762.575.098	48.326.700.000
Chi phí dự án gia công 100.000 tấn bột giặt OMO	-	2.128.456.584
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	642.714.329	70.053.377
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	706.747.688
Cộng	48.405.289.427	51.231.957.649

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	13.322.916.917	11.411.014.174
Chi phí hoa hồng, khuyến mại, hỗ trợ nhà phân phối	8.833.654.706	7.472.909.243
Chi phí hỗ trợ người lao động	-	1.143.020.000
Chi phí vận chuyển	3.146.702.954	1.911.865.875
Tiền ăn giữa ca	168.650.000	212.900.000
Chi phí khác	1.173.909.257	670.319.056
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	8.104.425.876	8.329.224.285
Kinh phí công đoàn	197.710.400	435.898.309
Bảo hiểm xã hội	250.369.736	488.467.094
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.785.080	3.151.430
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.652.560.660	7.401.707.452
Dài hạn	100.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	-

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	<u>01/01/2017</u>	<u>Tăng trong năm</u>		<u>Giảm trong năm</u>		<u>31/12/2017</u>
	VND	VND		VND		VND
Bất động sản đầu tư cho thuê						
NGUYÊN GIÁ						
- Nhà	-	31.727.073.211		-		31.727.073.211
- Cơ sở hạ tầng	-	3.579.657.041		-		3.579.657.041
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
- Nhà	-	17.461.721.491		-		17.461.721.491
- Cơ sở hạ tầng	-	2.649.397.248		-		2.649.397.248
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Nhà	-	14.265.351.720		-		14.265.351.720
- Cơ sở hạ tầng	-	930.259.793		-		930.259.793

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm toàn bộ tài sản là hệ thống nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cho Công ty Lục Thành thuê theo hợp đồng số 296/HĐN-2017 ngày 13/11/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	40.541.391.380	80.746.024.936	8.939.485.540	777.055.994	131.003.957.850
Mua trong năm	-	354.730.909	-	-	354.730.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	219.439.203.435	53.042.634.432	2.397.253.687	275.753.906	275.154.845.460
Tăng khác	-	318.261.216	-	-	318.261.216
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(35.306.730.252)	-	-	-	(35.306.730.252)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.202.346.488)	-	-	(2.202.346.488)
Tại ngày 31/12/2017	224.673.864.563	132.259.305.005	11.336.739.227	1.052.809.900	369.322.718.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	23.244.202.797	52.343.297.776	4.721.590.686	594.142.233	80.903.233.492
Khấu hao trong năm	6.018.326.277	9.099.626.069	967.851.827	86.323.942	16.172.128.115
Tăng khác	-	24.469.846	-	-	24.469.846
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(20.111.118.739)	-	-	-	(20.111.118.739)
Thanh lý, nhượng bán	-	(880.938.624)	-	-	(880.938.624)
Tại ngày 31/12/2017	9.151.410.335	60.586.455.067	5.689.442.513	680.466.175	76.107.774.090
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	17.297.188.583	28.402.727.160	4.217.894.854	182.913.761	50.100.724.358
Tại ngày 31/12/2017	215.522.454.228	71.672.849.938	5.647.296.714	372.343.725	293.214.944.605
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	3.055.225.646	12.530.939.706	1.007.085.571	245.329.227	16.838.580.150

Nguyên giá tài sản cố định Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị tại Dự án Đầu tư đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 khoảng 270 tỷ đồng là giá trị tài sản cố định tạm tính, nguyên giá chính thức sẽ được xác định và điều chỉnh (nếu có) khi Báo cáo quyết toán giá trị đầu tư được phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	156.711.442.559	156.711.442.559	104.186.217.467	104.186.217.467
Chi nhánh Công ty Cổ Phần TICO	355.513.943	355.513.943	8.252.555.708	8.252.555.708
Công ty TNHH UIC Việt Nam	34.795.001.591	34.795.001.591	22.326.091.955	22.326.091.955
Công ty TNHH Nhựa cơ khí và TM Chấn Thuận Thành	9.515.118.415	9.515.118.415	7.435.870.421	7.435.870.421
Công ty TNHH Mitsui Việt Nam	20.049.209.865	20.049.209.865	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	91.996.598.745	91.996.598.745	66.171.699.383	66.171.699.383
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	156.711.442.559	156.711.442.559	104.186.217.467	104.186.217.467
Phải trả với các bên liên quan				
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	6.960.125.155	6.960.125.155	3.142.689.880	3.142.689.880
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Cần Thơ	1.095.207.300	1.095.207.300	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	1.934.969.125	1.934.969.125	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2017	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	248.999.143		2.721.407.467		2.774.550.198		195.856.412	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-		4.596.098.540		4.613.267.615		(17.169.075)	
Thuế nhập khẩu	13.258.790		1.055.907.285		1.069.349.825		(183.750)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.776.903.389		15.096.386.959		15.900.140.555		2.973.149.793	
Thuế thu nhập cá nhân	610.843.093		1.129.109.577		1.383.281.298		356.671.372	
Các loại thuế khác	-		754.641.902		439.737.422		314.904.480	
Cộng	4.650.004.415		25.353.551.730		26.180.326.913		3.823.229.232	
Trong đó:								
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-		-		-		17.352.825	
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.650.004.415						3.840.582.057	

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	111.361.800.825	111.361.800.825	203.991.792.246	206.416.968.853	113.786.977.432	113.786.977.432
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Hòa	111.361.800.825	111.361.800.825	203.991.792.246	206.416.968.853	113.786.977.432	113.786.977.432
Cộng	111.361.800.825	111.361.800.825	203.991.792.246	206.416.968.853	113.786.977.432	113.786.977.432

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 208.16/48.05-HMTD ngày 19/10/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/208.16/48.05-HMTD ngày 19/10/2017, hạn mức vay là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 31/12/2017. Đồng tiền cho vay của mỗi khoản nợ là VND hoặc USD, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại từng thời điểm giải ngân, hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo. Số dư khoản vay bằng nguyên tệ tại thời điểm 31/12/2017 là 4.898.253,83 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIÁT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	159.988.920.000	32.533.043.270	89.940.321.858	282.462.285.128
Tăng vốn trong năm	63.994.820.000	(63.994.820.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	83.052.507.872	83.052.507.872
Phân phối lợi nhuận	-	34.710.530.372	(119.604.767.372)	(84.894.237.000)
Tại ngày 01/01/2017	223.983.740.000	3.248.753.642	53.388.062.358	280.620.556.000
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	59.159.601.839	59.159.601.839
Phân phối lợi nhuận (*)	-	12.457.800.000	(71.679.060.200)	(59.221.260.200)
Tăng khác (**)	-	-	718.997.213	718.997.213
Tại ngày 31/12/2017	223.983.740.000	15.706.553.642	41.587.601.210	281.277.894.852

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCĐ-2017 ngày 18/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Công ty như sau: chia cổ tức với tỷ lệ 28% vốn điều lệ, trích quỹ tương ứng với tỷ lệ 28% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 4.983.000.000 đồng (đã trích năm 2016 là 1,1 tỷ đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 297 triệu đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 12.457.800.000 đồng.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3.525.000.000 đồng và tạm chia cổ tức với số tiền là 22.398.374.000 đồng tương ứng 10% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã chi trả hết toàn bộ số cổ tức đã tạm chia trong năm.

(**): Là khoản điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 76/TB-KTNN ngày 10/01/2018 của Kiểm toán nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	114.234.980.000	51%	114.234.980.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	109.748.760.000	49%	109.748.760.000	49%
Cộng	223.983.740.000	100%	223.983.740.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	223.983.740.000	159.988.920.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	63.994.820.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	223.983.740.000	223.983.740.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	51.516.260.200	81.593.230.950

Cổ phiếu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.398.374	22.398.374
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.398.374	22.398.374
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	22.398.374
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.398.374	22.398.374
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	22.398.374
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại (USD)	43.851,09	260.368,74
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	628.958.072	628.958.072

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	693.991.950.599	572.360.608.910
Doanh thu sản xuất xuất khẩu	340.028.356.649	203.356.858.266
Doanh thu gia công	5.508.118.730	32.674.739.737
Doanh thu khác	36.170.571.982	30.920.600.367
Cộng	1.075.698.997.960	839.312.807.280

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	130.468.169	-
Hàng bán bị trả lại	37.194.253	-
Cộng	167.662.422	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, gia công	806.181.336.436	582.154.189.551
Giá vốn dịch vụ	31.802.018.518	27.838.130.228
Cộng	837.983.354.954	609.992.319.779

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	790.328.192.687	546.123.258.711
Chi phí nhân công	57.144.422.452	53.789.074.111
Chi phí khấu hao tài sản	16.172.128.115	10.489.027.400
Chi phí khác bằng tiền	156.076.683.202	124.675.997.555
Cộng	1.019.721.426.456	735.077.357.777

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.346.734.724	2.887.154.838
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.618.544.970	429.167.386
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.935.457	-
Cộng	5.026.215.151	3.316.322.224

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.877.913.390	203.475.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	1.678.501.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.044.286.698	257.352.100
Cộng	2.922.200.088	2.139.329.515

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	23.494.160.099	22.281.668.110
- Chi phí nhân viên	10.477.663.945	9.700.552.653
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	869.785.214	922.450.759
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.978.398.069	606.766.668
- Thuế, phí lệ phí	329.351.614	522.292.979
- Chi phí bằng tiền khác	9.838.961.257	10.529.605.051
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	142.449.901.731	105.489.160.035
- Chi phí nhân viên	20.705.958.628	17.970.147.527
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.897.116.483	1.658.640.055
- Chi phí khấu hao	3.346.904.526	1.087.691.091
- Chi phí vận chuyển	15.912.764.568	9.112.590.363
- Chi phí quảng cáo	2.088.957.827	-
- Chi phí khuyến mại bằng tiền	7.757.044.140	11.707.747.048
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý, siêu thị	78.767.584.359	54.962.063.902
- Chi phí bằng tiền khác	11.973.571.200	8.990.280.049

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thanh lý hợp đồng gia công cho Unilever	3.670.838.609	-
Các khoản bị phạt	56.677	11.029.048
Các khoản khác	535.672.214	237.864.129
Cộng	4.206.567.500	248.893.177

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	53.651.410
Tiền thu thanh lý hợp đồng gia công cho Unilever (*)	4.134.805.860	-
Tiền phạt, bồi thường	145.441.028	476.533.067
Các khoản khác	210.344.540	829.519.138
Cộng	4.490.591.428	1.359.703.615

(*): Tiền thu thanh lý Hợp đồng gia công cho Unilever theo Biên bản thanh lý hợp đồng HC-220409/Netsouth ngày 27/08/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIÁT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	73.991.957.745	103.837.462.503
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập điều chỉnh theo BB kiểm toán nhà nước	1.320.155.266	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	169.821.786	87.310.650
Thu nhập chịu thuế	72.841.624.265	103.924.773.153
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN điều chỉnh theo BB kiểm toán nhà nước	264.031.053	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.832.355.906	20.784.954.631

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.159.601.839	83.052.507.872
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.525.000.000)	(5.280.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.634.601.839	77.772.507.872
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	22.398.374	22.398.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.484	3.472

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 số tiền 4.983.000.000 đồng và trích thưởng ban điều hành 297 triệu đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017. Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của yếu tố này.

31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty như sau

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông chiếm 51% vốn điều lệ
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	Đơn vị trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Cần Thơ	Đơn vị trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	Đơn vị trong cùng tập đoàn

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Mua hàng		
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	35.584.072.380	24.961.383.800
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Cần Thơ	3.958.902.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	2.488.953.534	-
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	26.274.045.400	41.614.173.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.939.218.000	2.000.986.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017	Giá trị ghi sổ 01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.052.279.042	67.430.898.879
Phải thu của khách hàng	39.473.574.355	42.510.859.366
Phải thu về cho vay	333.000.000	-
Phải thu khác	726.561.466	340.299.000
Cộng	137.585.414.863	110.282.057.245
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	156.711.442.559	104.186.217.467
Chi phí phải trả	13.322.916.917	11.411.014.174
Phải trả khác	7.656.345.740	7.404.858.882
Vay và nợ thuê tài chính	111.361.800.825	113.786.977.432
Cộng	289.052.506.041	236.789.067.955
Trừ đi các khoản dự phòng	(716.390.400)	(716.390.400)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm	Trên 1 năm
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017		
Phải trả người bán	156.711.442.559	-
Chi phí phải trả	13.322.916.917	-
Phải trả khác	7.656.345.740	-
Vay và nợ thuê tài chính	111.361.800.825	-
Cộng	289.052.506.041	-
Tại ngày 01/01/2017		
Phải trả người bán	104.186.217.467	-
Chi phí phải trả	11.411.014.174	-
Phải trả khác	7.404.858.882	-
Vay và nợ thuê tài chính	113.786.977.432	-
Cộng	236.789.067.955	-

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập



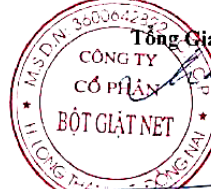
Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc



Thái Thị Hồng Yến

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET



Thái Thị Hồng Yến